

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----000-----



# **BÁN CÁO BẠCH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102119727 cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ 06 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 08 tháng 07 năm 2010)

### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

#### **TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Đăng ký niêm yết số: 211/QĐ – SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 09 năm 2010)

**BÁN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**

Địa chỉ: Số 738, Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội  
Điện thoại: 04.37199999 - Fax: 04.3719.2222

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM**

Số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 38386636 - Fax: (08) 38386639

#### **PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Ông: Ngô Văn Hiến**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Địa chỉ: Số 738, Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội  
Điện thoại: 04.37199999 - Fax: 04.3719.2222

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: Số 738, Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội  
Điện thoại: 04.37199999 Fax: 04.3719.2222



## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc  
**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông  
**Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu  
**Tổng số lượng niêm yết** : 26.800.000 cổ phiếu  
**Tổng giá trị niêm yết** : 268.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Số 255 đường Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 38386636 Fax: (08) 38386639

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Phòng 504, Tòa nhà 17T7, Trung Hòa-Nhân Chính, Hà Nội  
Điện thoại: +84.04 2811 488 – Fax: +84.04 2811 499

# MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	5
1.1. Rủi ro về biến động kinh tế .....	5
1.2. Rủi ro đặc thù ngành.....	6
1.3. Rủi ro về Pháp luật.....	7
1.4. Rủi ro khác .....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
2.1. Tổ chức niêm yết.....	8
2.2. Tổ chức tư vấn.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....	11
4.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty .....	11
4.2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	15
4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: .....	16
4.4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 30/07/2010.....	21
4.5. Danh sách các tổ chức nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: ...	22
4.6. Hoạt động kinh doanh.....	23
4.7. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2008, 2009, và 6T/2010.....	26
4.8. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào .....	27
4.9. Cơ cấu chi phí:.....	34
4.10. Trình độ công nghệ.....	34
4.11. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: .....	37
4.12. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:.....	38
4.13. Hoạt động Marketing .....	38
4.14. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	39
4.15. Một số hợp đồng tiêu biểu đã thực hiện hoặc đã được ký kết .....	39
4.16. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	40
4.17. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	42
4.18 Chính sách đối với người lao động .....	44
4.19 Chính sách cổ tức .....	46
4.20 Tình hình hoạt động tài chính .....	46
4.21. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	50
4.22. Tài sản .....	62
4.23. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm 2010 đến năm 2012....	63
4.24. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	69
4.25. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	69



4.26. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty .....	69
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>70</b>
5.1. Loại cổ phiếu .....	70
5.2. Mệnh giá.....	70
5.3. Tổng số chứng khoán niêm yết .....	70
5.4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng .....	70
5.5. Phương pháp tính giá:.....	72
5.6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	74
5.7. Các loại thuế có liên quan .....	75
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>76</b>
6.1. Tổ chức tư vấn.....	76
6.2. Tổ chức kiểm toán.....	76
<b>VII. PHỤ LỤC .....</b>	<b>77</b>





## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1.1. Rủi ro về biến động kinh tế

#### Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan

Hoạt động kinh doanh khai thác khoáng sản chịu sự tác động trực tiếp từ các biến động kinh tế cũng như các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của nhiều ngành công nghiệp như công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp luyện kim, v/v... chịu ảnh hưởng từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 6 tháng đầu năm 2010, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Việt Nam đều tăng với những con số khá ấn tượng. GDP tính chung cả nước tăng 6,16%, trong đó giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất công nghiệp ước tính tăng 13,6%. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 32,1 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt 8,4 tỷ USD, bằng 80,9% so với cùng kỳ 2009. Đây là mức tăng trưởng khá ấn tượng trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu.

Điều đó cho thấy, kinh tế bắt đầu phục hồi nhanh hơn so với dự kiến đã thúc đẩy sự tăng trưởng khá ấn tượng của các ngành vật liệu xây dựng, công nghiệp luyện kim như ngành thép,... điều này đã kéo theo nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của các ngành trên cũng tăng lên, kéo theo sự phục hồi và tăng trưởng của ngành khai khoáng từ giữa năm 2010 và sẽ còn tiếp tục được cải thiện trong thời gian tới.

Có thể nói, các yếu tố tích cực của nền kinh tế và ngành cũng đang và sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các yếu tố kinh tế vĩ mô nhìn chung sẽ ảnh hưởng một cách tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### Tỷ giá hối đoái, lãi suất và lạm phát

Phần lớn những máy móc quan trọng phục vụ cho các nhà máy, phân xưởng của Công ty đều được nhập từ nước ngoài và được Công ty thanh toán bằng ngoại tệ (chủ yếu là đồng USD và đồng Nhân dân tệ), nên bất kỳ sự thay đổi nào về tỷ giá cũng sẽ gây ra những biến động trong chi phí đầu tư và gây khó khăn cho Công ty trong công tác lập kế hoạch kinh doanh. Tuy nhiên, với nhiều công cụ chính sách ổn định vĩ mô được Chính phủ áp dụng trong thời gian vừa qua đã giúp ổn định được tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ giao động xung quanh mức 19.000/1 đô la. Trong thời gian sắp tới tỷ giá đồng Việt Nam được dự báo ổn định và mức độ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh là không lớn.

Bên cạnh đó, do trong cơ cấu vốn để tài trợ cho các dự án cũng như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ cuối năm 2009 sang năm 2010, Ngân hàng Nhà Nước - NHNN đã thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt và lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng tăng lên do sự khan hiếm trong việc huy động tiền gửi khi các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán, vàng,... đang ngày càng hấp dẫn nhà đầu tư cùng với sự phục hồi và đi lên của nền kinh tế. Thực tế, trên thực tế, tốc độ tăng trưởng tín dụng đã giảm mạnh trong Q1/2010 thể hiện ở con số 3,8% tính từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2010 và đến tháng 6/2010 tín dụng tăng



khoảng 10,52%, nhưng tín dụng bằng VNĐ chỉ tăng 4,6%, tín dụng ngoại tệ tăng 27%. Dấu hiệu cho thấy Việt Nam bắt đầu bước sang giai đoạn cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và ổn định vĩ mô (World Bank, 6/2010). Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 2010 là 25% so với năm 2009, chúng tôi nhận định đến cuối năm 2010, chính sách tiền tệ sẽ có sự điều chỉnh linh hoạt theo hướng kích thích tăng trưởng kinh tế sau khi đã đạt mục tiêu ổn định vĩ mô. Lãi suất thị trường sẽ điều chỉnh giảm trong thời gian tới khi mà lãi suất tiền gửi hiện đang duy trì ở mức hấp dẫn. Với việc áp dụng các chính sách linh hoạt, Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát. Theo Tổng cục Thống kê, lạm phát cả năm 2010 dự báo khoảng 8%. Điều này sẽ tác động theo xu hướng tích cực dẫn đến các hoạt động tài trợ của Công ty.

### **Biến động giá chứng khoán**

Việc niêm yết cổ phiếu công ty trên thị trường chứng khoán sẽ đem lại những lợi ích đáng kể như nâng cao uy tín và thương hiệu; tăng cường tính thanh khoản; tạo điều kiện cho việc huy động vốn; hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị, điều hành theo mô hình hiện đại. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi.

Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình cung – cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế – xã hội chung hay từng thời điểm, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư,... Sự biến động giá cổ phiếu trong từng thời điểm có thể gây ảnh hưởng đến một số khía cạnh của Công ty, tâm lý khách hàng, và tâm lý nhà đầu tư.

Tuy nhiên, riêng đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc, số lượng cổ phần là không lớn và cơ cấu cổ đông được đánh giá khá tốt. Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới liên tục tăng trưởng cao, có hiệu quả kinh doanh khả quan là yếu tố hỗ trợ giá giao dịch cổ phiếu. Bên cạnh đó, công ty cũng nhận thức được tầm quan trọng của công tác quan hệ cổ đông nên sẽ tăng cường công tác công bố thông tin theo hướng quản trị minh bạch và chuyên nghiệp để góp phần bình ổn giá thị trường của cổ phiếu niêm yết.

## **1.2. Rủi ro đặc thù ngành**

### **Rủi ro ngành**

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản...có ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra những biến động của thời tiết như mưa, bão lụt, hạn hán cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

### **Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ**



Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **Rủi ro từ phía Công ty**

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Công ty có các mỏ thuộc chủ quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Công ty.

### **1.3. Rủi ro về Pháp luật**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty, trong đó phải kể đến Luật Bảo vệ môi trường. Hệ thống luật của Việt Nam đã và đang được dần hoàn thiện tuy nhiên, chưa được hoàn chỉnh. Các văn bản dưới luật còn nhiều chồng chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, công ty trong ngành khai khoáng chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

### **1.4. Rủi ro khác**

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, dịch họa ... Những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra dù trực tiếp hay gián tiếp sẽ gây ảnh hưởng đến các khách hàng truyền thống cũng như những thị trường tiềm năng, tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 2.1 Tổ chức niêm yết

Ông <b>Trần Văn Tạng</b>	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông <b>Ngô Văn Hiến</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông <b>Nguyễn Văn Hưng</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2.2 Tổ chức tư vấn

<b>Ông: Lê Minh Tâm</b>	Chức vụ: Tổng Giám đốc
-------------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (KEVS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (KTB). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc cung cấp.





### III. CÁC KHÁI NIỆM

- **“Công ty”**: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0102119727 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà nội cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 07 năm 2010.
- **“Bản cáo bạch”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
- **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.
- **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.
- **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.
- **“Ban Tổng Giám đốc”**: Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.
- **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- **“Tổ chức niêm yết”**: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.
- **“Tổ chức tư vấn niêm yết”**: Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (KEVS)
- **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACA)
- **“Người có liên quan”**: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
  - a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
  - b. Công ty con đối với công ty mẹ;



- c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- d. Người quản lý doanh nghiệp;
- e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên, cổ đông sở hữu phần góp vốn hay cổ phần chi phối;
- f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e trên;
- g. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của cơ quan quản lý doanh nghiệp đó;
- h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâm tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối quyết định của Công ty.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

<b>KTB</b>	Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc
<b>ĐHĐCĐ</b>	Đại hội đồng cổ đông
<b>HDQT</b>	Hội đồng Quản trị
<b>BKS</b>	Ban kiểm soát
<b>TGD</b>	Tổng Giám đốc
<b>BGD</b>	Ban Giám đốc
<b>CBCNV</b>	Cán bộ công nhân viên
<b>TNDN</b>	Thu nhập doanh nghiệp
<b>TSCĐ</b>	Tài sản cố định
<b>TSLĐ</b>	Tài sản lưu động
<b>VSCH</b>	Vốn chủ sở hữu
<b>GCNĐKKD</b>	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
<b>CMND</b>	Chứng minh nhân dân
<b>WTO</b>	Tổ chức Thương mại Thế giới
<b>UBCKNN</b>	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<b>HOSE</b>	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 4.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

#### 4.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc tiền thân là Công ty Cổ phần Molybden Việt Nam - thành viên của Tập đoàn Vinamotor Việt Nam (<http://www.vinamotorvietnam.com> – công ty được xếp hạng “500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam” do Báo điện tử Vietnamnet bình chọn và công bố) được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 2006 và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc vào ngày 08 tháng 07 năm 2010.

Từ một doanh nghiệp cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ 2 lên 50.000.000.000 đồng bằng hình thức góp thêm vốn giữa các cổ đông sáng lập và hoàn tất việc tăng vốn lần thứ 2 khi kết thúc năm tài chính 31/12/2009, sau đó chính thức chuyển tên thành Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc và tăng vốn điều lệ lên 268.000.000.000 đồng vào ngày 08/07/2010.

Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng lên UBCK Nhà nước và chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 2785/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 06/09/2010.

#### 4.1.2 Tổng hợp quá trình tăng vốn

**1. Tháng 12 năm 2006:** Thành lập với mức vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng

**2. Từ tháng 12/2007 đến tháng 12/2009:** Tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng

- **Căn cứ thực hiện:** Nghị quyết số: 02/2007/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp bất thường lần 2 năm 2007 ngày 10/12/2007 của Công ty Cổ phần Molybden Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc) thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng.
- **Hình thức phát hành:** Phát hành cho đối tác hiện hữu
- **Mệnh giá cổ phiếu tại thời điểm phát hành:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu phát hành:** 4.000.000 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu phân phối:**
  - ✓ Số lượng lần 1: 300.000 cổ phần (kết thúc ngày 26/12/2007)
  - ✓ Số lượng lần 2: 200.000 cổ phần (kết thúc ngày 31/12/2008)
  - ✓ Số lượng lần 3: 3.500.000 cổ phần (kết thúc ngày 31/12/2009)
- **Vốn điều lệ thực góp sau đợt phát hành:** 50.000.000.000 đồng
- **Vốn điều lệ đăng ký:** 50.000.000.000 đồng



**3. Tháng 6 đến tháng 7 năm 2010:** Tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 268.000.000.000 đồng

- **Căn cứ thực hiện:** Nghị quyết số: 02/2010/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp bất thường lần 2 năm 2010 ngày 15/06/2010 của Công ty Cổ phần Molybden Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc) thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 268.000.000.000 đồng.
- **Hình thức phát hành:** Phát hành cho đối tác hiện hữu
- **Mệnh giá cổ phiếu tại thời điểm phát hành:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu phát hành:** 21.800.000 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu phân phối:**
  - ✓ Số lượng lần 1: 18.000.000 cổ phần (kết thúc ngày 08/07/2010) từ tạm ứng cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 360% tính theo mệnh giá trên vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng.
  - ✓ Số lượng lần 2: 3.800.000 cổ phần (kết thúc ngày 31/07/2010) từ phát hành thêm cho đối tác hiện hữu với tỷ lệ phân bổ quyền là 50:38 tính trên vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng.
- **Vốn điều lệ thực góp sau đợt phát hành:** 268.000.000.000 đồng
- **Vốn điều lệ đăng ký:** 268.000.000.000 đồng

#### **4.1.3 Giới thiệu về Công ty**

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**
- Tên giao dịch quốc tế : **TAY BAC MINERALS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **TAY BAC INVEST., JSC**
- Trụ sở chính : **Số 738, Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, Hà Nội**
- Điện thoại : **04.3 71999999**
- Fax : **04.371922222**
- Website : **www.ktb.com.vn**

- Biểu tượng của Công ty :



- Vốn điều lệ : **268.000.000.000 đồng**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:0102119727 do phòng đăng ký kinh doanh Sở



Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà nội cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 08 tháng 07 năm 2010.

▪ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**

- ✓ Khảo sát , thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- ✓ Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim;
- ✓ Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim;
- ✓ Xây dựng công trình giao thông;
- ✓ Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng;
- ✓ Xây dựng công trình công ích
- ✓ Xây dựng nhà các loại;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- ✓ Phá dỡ;
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm rà phá bom mìn)
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng;
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- ✓ Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- ✓ Bán buôn sắt, thép;
- ✓ Bán buôn quặng kim loại;
- ✓ Bán buôn kim loại khác;
- ✓ Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- ✓ Bán buôn xi măng;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại ( trừ phế liệu nhập khẩu gây ô





nhiễm môi trường)

- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- ✓ Thoát nước và xử lý nước thải;
- ✓ Tái chế phế kim loại (trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)
- ✓ Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- ✓ Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải thuỷ nội địa;
- ✓ Bốc xếp hàng hoá (không bao gồm bốc xếp, vận chuyển tại cảng hàng không);
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- ✓ Đại lý;
- **Các sản phẩm, dịch vụ truyền thống của Công ty:**
  - ✓ Vàng,
  - ✓ Quặng Molybden,
  - ✓ Tinh quặng sắt,
  - ✓ Quặng Đồng và,
  - ✓ Quặng Antimon.



## 4.2. Cơ cấu tổ chức Công ty

### 4.2.1 Sơ đồ tổ chức công ty

*Biểu đồ 1. Sơ đồ cấu trúc Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc*



(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

### 4.2.2 Diễn giải sơ đồ

#### ▪ Trụ sở chính:

##### ❖ Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

Địa chỉ: số 738, Lạc Long Quân, P.Nhật Tân, Q.Tây Hồ, TP Hà Nội;  
Điện thoại: 04.37199999 Fax: 04.371922222

#### ▪ Công ty liên kết:

##### ❖ Công ty An Hồng Phương

Địa chỉ: Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, TX. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn  
Điện thoại: 0281.3210 717

#### ▪ Các chi nhánh:

##### ❖ Chi nhánh tại tỉnh Điện Biên: SDKKD: 6213000026 ngày 05/05/2008

Địa chỉ: Tổ 17, phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên  
Điện thoại: 0230.3833311

##### ❖ Chi nhánh tại Tỉnh Yên Bái: SDKKD: 0102119727-001 ngày 29/04/2009

Địa chỉ: SN22, Tổ 30, P. Đồng Tâm, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
Điện thoại: 029.2240393

##### ❖ Chi nhánh tại tỉnh Lai Châu: SDKKD: 0102119727-003 ngày 09/04/2009

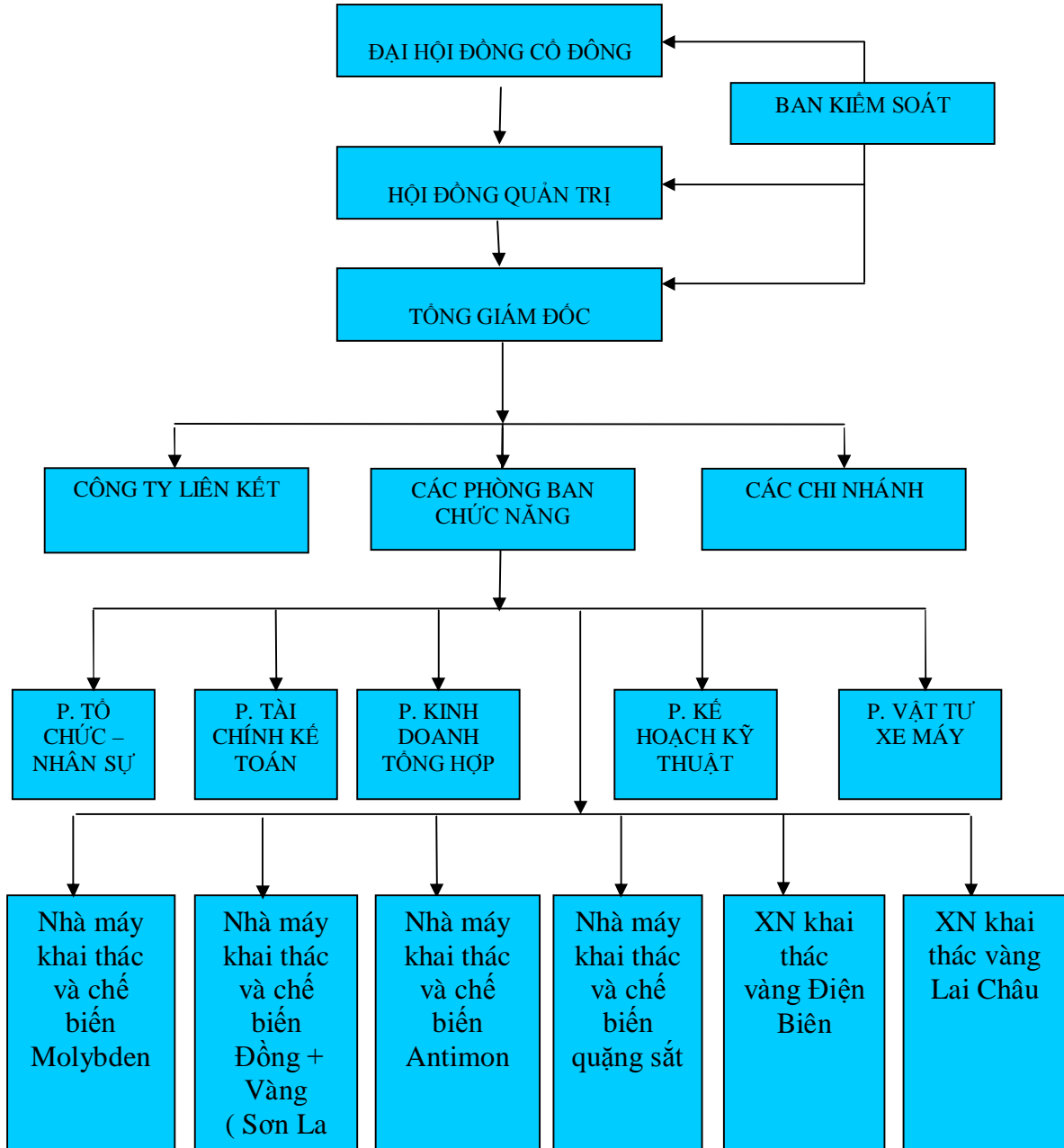
Địa chỉ: Khu 2 – TT Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu  
Điện thoại: 0942362332



### 4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

#### 4.3.1 Sơ đồ bộ máy quản lý công ty

*Biểu đồ 2. Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc*



(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

#### 4.3.2 Diễn giải sơ đồ

Căn cứ những quy định của pháp luật cụ thể là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua, Công ty Cổ phần Đầu tư



Khoảng sản Tây Bắc có cơ cấu tổ chức quản lý như sau:

### **Đại Hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.



- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **Ban Giám đốc**

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

### **Chức năng các phòng ban**

#### ***Phòng Hành chính Nhân sự***

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật





lao động được nhà nước ban hành.

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

### ***Phòng Tài chính - Kế toán***

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

### ***Phòng Kinh doanh Tổng hợp***

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty.
- Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt.

### ***Phòng Vật tư Xe máy***

- Phòng có chức năng quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch sửa chữa định kỳ hàng tháng, hàng quý đối với từng loại thiết bị máy móc để trình lên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt, đảm bảo sao cho toàn bộ các thiết bị máy móc của các nhà máy, công trường định kỳ được bảo dưỡng, vận hành tốt nhưng đồng thời phải đảm bảo tính vận hành liên tục của sản xuất.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.



**Công ty liên kết:**

- **Công ty An Hồng Phương**

Địa chỉ: Tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, TX. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn  
Điện thoại: 0281.3210 717

**Các chi nhánh trực thuộc:**

- **Chi nhánh tại tỉnh Điện Biên**

Địa chỉ: Tổ 17, phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên  
Điện thoại: 0230.3833311

- **Chi nhánh tại Tỉnh Yên Bái**

Địa chỉ: SN22, Tổ 30, P. Đồng Tâm, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
Điện thoại: 029.2240393

- **Chi nhánh tại tỉnh Lai Châu**

Địa chỉ: Khu 2 – TT Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu  
Điện thoại: 0942362332



#### 4.4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/07/2010

##### 4.4.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 31/07/2010

*Bảng 1. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 31/07/2010*

Stt	Cổ phần	Tỷ lệ thực góp	Số cổ phần Sở hữu (cổ phần)	Số cổ đông (người/tổ chức)	Giá trị vốn góp (đồng)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>100%</b>	<b>26.800.000</b>	<b>117</b>	<b>268.000.000.000</b>
	- Cá nhân	100%	26.800.000	117	268.000.000.000
	- Tổ chức	0%	0,00	0	0,00
<b>II</b>	<b>Ngoài nước</b>	<b>0%</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
	- Cá nhân	0%	0,00	0	0,00
	- Tổ chức	0%	0,00	0	0,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>26.800.000</b>	<b>117</b>	<b>268.000.000.000</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

##### 4.4.2 Cổ đông sáng lập tại ngày 31/07/2010

*Bảng 2. Cổ đông sáng lập tại ngày 31/07/2010*

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Dương Quốc Huy	Tổ 20, P. Đồng Quang, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	090712857	0	0,0%
2	Phạm Đình Hưng	16, Lô 14A, Đô thị Trung yên, Trung hoà, Hà Nội	013019318	300.000	1,12%
3	Phạm Đình Thông	P 902, Chung Cư The Manor, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	013112074	0	0,0%
4	Dương Biên Thủy	Số 144/1 Đường Bắc Kạn, P. Quang Trung, Tp. Thái Nguyên,	090507275	0	0,0%



## Tỉnh Thái Nguyên

**Tổng cộng****300.000 1,12%**

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (tiền thân là Công ty Cổ phần Molybden Việt Nam) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 20/12/2006, thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập đến 20/12/2009.

**4.4.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/07/2010****Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/07/2010**

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Nguyễn Văn Dũng	Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang	120949106 cấp ngày 23/6/2006 tại Bắc Giang	1.400.000	5,22%
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.400.000</b>	<b>5,22%</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

**4.5. Danh sách các tổ chức nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:****4.5.1. Các công ty mẹ**

Không có

**4.5.2. Các công ty con**

Không có



## 4.6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc hiện tại được thực hiện chủ yếu trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc như Bắc Cạn, Lào Cai, Sơn La, Hoà Bình, Yên Bái, Điện Biên, ... Các hoạt động chính bao gồm:

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đồng;
- Khai thác vàng;
- Khai thác quặng Antimon và Molybden

### 4.6.1. Các sản phẩm chính từ khai khoáng của Công ty:

- **Quặng sắt nguyên khai và tinh quặng sắt (Fe):**

- ✓ Vị trí mỏ khai thác:

Khu vực Mỏ 409 thuộc xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái theo giấy phép khai thác số 1054/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 26/07/2007;

Khu vực mỏ Suối Dầm thuộc xã An Lương, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái theo giấy phép khai thác số 1134/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 07/08/2007.

Khu vực mỏ Cận Còng thuộc xã Hưng Thịnh và Xã Việt Hồng, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái theo giấy phép khai thác số 1053/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 27/7/2007

- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng sắt nguyên khai và tinh quặng sắt với hàm lượng  $TF_e$  đạt từ 54%- 69% .
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Cung cấp làm nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp luyện kim trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài;

- **Quặng Đồng lẫn Vàng (Cu&Au):**

- ✓ Vị trí mỏ khai thác:

Khu vực khoáng sản Đồng Vạn Sài - Suối Chát phần thuộc huyện Mộc Châu, Sơn La theo giấy phép khai thác và chế biến số 1569/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007; diện tích khai thác 20ha

Khu vực khoáng sản Đồng Vạn Sài - Suối Chát phần thuộc huyện Phù Yên, Sơn La theo giấy phép khai thác và chế biến số 1568/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007; diện tích khai thác 148ha

Khu vực khoáng sản Đồng Vạn Sài - Suối Chát phần thuộc huyện Bắc Yên, Sơn La theo giấy phép khai thác và chế biến số 1570/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007; diện tích khai thác 12ha





Giấy chứng nhận đầu tư số: 24121000018 ngày 10 tháng 5 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp

Giấy phép chế biến, luyện kim quặng Đồng & Vàng số 915/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 21/4/2007

- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Đồng tinh (thỏi) 99,9%; Vàng 99,6%
- ✓ Thị trường tiêu thụ: dùng cho công nghệ chất dẫn điện trong ngành công nghiệp sản xuất dây đi ện, cáp điện; sản phẩm của Công ty có thị trường tiêu thụ khá ổn định tại thị trường trong nước và nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước Châu Âu.

▪ **Quặng Vàng gốc:**

- ✓ Vị trí mỏ khai thác:

Mỏ Vàng Pắc Ta, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. theo giấy phép số 1111/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp ngày 29/8/2007; diện tích khai thác 38,85ha

Mỏ Vàng Bản Pằng – Hua Non; xã Ít Ong, Huyện Mường La, tỉnh Sơn La theo cấp phép số 1372/QĐ-UBND Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 5/6/2007; diện tích khai thác 5ha.

Mỏ Vàng Bản Háng Trọ xã Pì Nhừ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo cấp phép số: 98/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ngày 23/1/2008; diện tích khai thác 20ha

- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Vàng 99,6% (Vàng miếng)
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Cung cấp công ty vàng bạc trong nước

▪ **Quặng Antimon:**

- ✓ Vị trí mỏ khai thác:

Mỏ tại thôn Bù Lọt, xã Tân Mỹ và xóm Đén, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. theo giấy phép số 23/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình cấp ngày 8/2/2007; diện tích khai thác 15ha

- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng Antimon dạng cục
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Cung cấp cho các công ty trong nước và nước ngoài để tinh luyện

▪ **Quặng Molybden:**

- ✓ Vị trí mỏ khai thác:

Mỏ Tông Qua Lìn thuộc xã Tung Qua Lìn và xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. theo giấy phép số 265/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp

ngày 27/3/2007; diện tích khai thác 40ha

- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Tinh Quặng Molybden 55%
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Cung cấp cho thị trường trong nước và Trung Quốc

#### **4.6.2. Một số hình ảnh sản phẩm Quặng của Công ty đang khai thác**

##### ***Biểu đồ 3. Một số hình ảnh sản phẩm công ty***



**Quặng Đồng & Vàng**



**Quặng Antimon**



**Quặng Sắt**



**Quặng Molybden**

*(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)*



#### 4.7. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2008, 2009, và 6T/2010

**Bảng 4. Cơ cấu doanh thu từng loại sản phẩm 2008, 2009 và 6T/2010**

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	%DTT	Năm 2009	%DTT	6T/2010	%DTT
1	Doanh thu từ Vàng	1.331.831	20%	8.989.859	45%	6.892.225	15,78%
2	Doanh thu Antimon	998.873	15%	9.988.732	50%	32.163.719	73,68%
3	Doanh thu quặng sắt	-	0%	-	0%	-	0,0%
4	Doanh thu khác	4.328.450	65%	998.873	5%	4.594.817	10,52%
<b>Tổng doanh thu</b>		<b>6.659.155</b>	<b>100%</b>	<b>19.977.465</b>	<b>100%</b>	<b>43.650.761</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

Những năm đầu mới đi vào hoạt động, công ty chủ yếu triển khai công tác xin thuận chủ trương, tìm kiếm và thăm dò, xin phép đầu tư các mỏ nên doanh thu từ khai thác hầu như không có. Cụ thể, năm 2008, doanh thu của công ty chủ yếu từ hoạt động khác (vận tải chuyên dụng) và doanh thu này chiếm 65% trên tổng doanh thu. Hoạt động khai thác ở giai đoạn manh mún nhỏ lẻ và tổng doanh thu từ khai thác vàng và antimon chỉ chiếm 35% trên tổng doanh thu thuần. Từ đầu năm 2009, Công ty đã mở rộng hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh khoáng sản nên tỷ trọng doanh thu mang lại từ hoạt động khai khoáng đã tăng lên và chiếm tỷ trọng 95% trên tổng doanh thu, doanh thu khác giảm chỉ còn 5%, sự sụt giảm nhanh tỷ lệ doanh thu khác một phần là do công ty đẩy mạnh tập trung vào hoạt động đầu tư dự án khai thác và chủ động giảm hoạt động vận tải chuyên dụng. Năm 2010, doanh thu từ quặng antimon tăng lên khá rõ rệt và chiếm 73,68%, hoạt động khai thác khoáng sản đã được đẩy mạnh và doanh thu khác chiếm 10,52% trong 6 tháng đầu năm 2010 chủ yếu đến từ hoạt động cho thuê máy móc khai thác đối với một số máy móc công ty đã mua cho triển khai dự án nhưng chưa sử dụng do dự án chưa triển khai kịp theo tiến độ. Tỷ lệ này sẽ thay đổi khá mạnh khi hoạt động khai thác quặng được đẩy mạnh vào 6 tháng cuối 2010 và đặc biệt là từ đầu năm 2011 khi mà các dự án khai thác quặng sắt đi vào hoạt động thì doanh thu từ sản phẩm quặng sắt sẽ tăng đột biến.

**Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận qua 2008, 2009 và 6T/2010**

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng 2010	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	496.004	102,0	3.158.114	96,0	7.055.713	3,0
	- Lợi nhuận từ Vàng	322.403	66,4	1.105.340	33,3	731.632	0,4
	- Lợi nhuận từ Antimon	173.601	35,6	2.052.774	62,7	6.324.081	2,6
	- Lợi nhuận từ quặng sắt	-	0,0	-	0,0	-	0,0
2	Lợi nhuận khác	-9.149	-2,0	114.583	4,0	235.689.583	97,0
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>486.854</b>	<b>100,0</b>	<b>3.272.697</b>	<b>100,0</b>	<b>243.233.868</b>	<b>100,0</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)



Mặc dù, năm 2008 doanh thu chủ yếu từ hoạt động vận tải nhưng sự biến động của giá dầu của những tháng đầu năm 2008 cao kỷ lục đã dẫn đến lỗ đối với hoạt động này. Vì vậy, lợi nhuận từ hoạt động mỏ vẫn chiếm chủ đạo cụ thể 102% so với tổng lợi nhuận trước thuế của công ty. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động khai thác vàng chiếm 66,4% và lợi nhuận từ hoạt động khai thác antimon chiếm 35,6%. Mặc dù tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động khai thác antimon khá cao nhưng đây là giai đoạn đầu công ty bước vào khai thác nên tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động này thấp. Năm 2009, lợi nhuận từ hoạt động khai thác khoáng sản chiếm 96% trên tổng lợi nhuận trước thuế, đánh dấu hoạt động kinh doanh khai thác khoáng sản đã mang lại hiệu quả. Cụ thể, tỷ trọng lợi nhuận từ antimon chiếm gần 63% vì công ty đã mở rộng khai thác loại quặng này và lợi nhuận từ khai thác quặng vàng tăng về giá trị nhưng tỷ trọng giảm khá nhiều, chỉ chiếm 33,3% trên tổng lợi nhuận. Tuy nhiên, sang 6 tháng đầu năm 2010, cơ cấu lợi nhuận thay đổi đáng kể, trong đó lợi nhuận khác đã chiếm 97% và lợi nhuận chính từ hoạt động kinh doanh chỉ chiếm 3%, mặc dù xét về mặt giá trị, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất chính đã tăng 200% trong 6 tháng đầu năm 2010. Trong đó, lợi nhuận từ khai thác antimon tăng gấp 3 lần so với năm 2009 nhưng chỉ chiếm 2,6% trên tổng lợi nhuận. Việc lợi nhuận bất thường khá cao trong năm 2010 là do công ty chuyển quyền khai thác mỏ và mạng về khoản thu nhập bất thường đã được ghi nhận vào Quý II/2010 nên làm lợi nhuận tăng đột biến từ 4% so với tổng lợi nhuận 2009 lên 97% cho 6 tháng 2010.

#### **4.8. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào**

##### **Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu**

Các nguyên vật liệu, vật tư chính cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Quặng nguyên khai Sắt, Antimon, Molybden,...
- Quặng Đồng; Vàng gốc
- Các thiết bị khai thác như: Máy xúc, dàn nghiền tuyển, xe Ben, máy khoan thủy lực, búa đập, máy bơm áp lực cao,...
- Các thiết bị phục vụ xây dựng, vận chuyển như: Xe tải các loại, máy xúc, máy ủi, máy san gạt, lu tĩnh, lu rung,...
- Thuốc nổ công nghiệp
- Các thiết bị điện, nước phục vụ khai thác, xây dựng và chế biến khoáng sản như dây điện, ống nhựa,...
- Nhiên liệu xăng, dầu, than: Chiếm khoảng 10% trên tổng chi phí sản xuất của Công ty. Nguồn nhiên liệu được cung cấp chủ yếu cho các thiết bị thi công, khai thác mỏ tại các xưởng, nhà máy, các phương tiện vận chuyển như xe Ben, xe tải,...

##### **Sự ổn định của các nguồn cung cấp:**

Hiện nay Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc đang được cấp phép khai thác nhiều mỏ kim loại màu và với số mỏ hiện có, công ty có nguồn mỏ đầu vào đảm bảo cho hoạt



động khai thác trong vòng 30 năm tới.

Một số mỏ đã và đang tiến hành khai thác như sau:

### **1/ Quặng Antimon tại Hòa Bình**

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác khoáng sản quặng Antimon
Số quyết định Giấy phép	:	23/QĐ- UBND của UBND Tỉnh Hòa Bình
Ngày cấp	:	02/08/2007
Thời hạn	:	07 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích khu vực khai thác: 15 ha. Trữ lượng kim loại Antimon khai thác ước tính: 12,500 tấn Công suất khai thác: 07 (bảy) năm: Từ tháng 4 năm 2007 đến hết tháng 4 năm 2014.
Địa điểm	:	Thôn Bù Lọt, xã Tâm Mỹ, và Xóm Đền, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

---

### **2/ Quặng Vàng tại Sơn La**

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác khoáng sản vàng
Số quyết định Giấy phép	:	1372/QĐ- UBND của UBND Tỉnh Sơn La
Ngày cấp	:	06/02/2007
Thời hạn (*)	:	02 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích khu vực khai thác thứ nhất: 2 ha. Diện tích khu khai thác thứ 2: 3 ha Công suất khai thác: 300 kg vàng/năm Thời hạn khai thác: 2 năm, từ tháng 6/2007 đến tháng 6/2009.
Địa điểm	:	Bản Pênh- Hua Nom, xã Ít Ong, huyện Mường La, Sơn La
(*) Ghi chú:	:	<i>Hiện công ty đang được gia hạn giấy phép khai thác mỏ vàng này thêm 5 năm.</i>

---

### **3/ Quặng Đồng tại Sơn La**

---

Tên Giấy phép	:	Quyết định cho phép đầu tư dự án khai thác, chế biến, luyện kim quặng đồng tại mỏ đồng vùng Vạn Sài- Suối Chát, tỉnh Sơn La (23 điểm mỏ, thuộc 3 huyện)
Số quyết định Giấy phép	:	915/QĐ- UBND của UBND Tỉnh Sơn La

---





Ngày cấp	:	21/04/2007
Thời hạn	:	18 tháng ( <i>thời gian khai thác được gia hạn 05 năm</i> )
Diện tích khai thác	:	Khai thác quặng đồng thô 1 triệu tấn/ năm. Tuyển quặng đồng đạt hàm lượng 25,6%: 40.000 tấn/năm Xây dựng nhà máy luyện kim, sản xuất sản phẩm đồng tinh (99,95%) đạt 10.000 tấn/năm. Tận thu vàng trong quặng đạt 205 kg/năm.
Địa điểm	:	Vạn Sài, Suối On, Đá Đỏ, Là Nậy, Phiêng Lương, Suối Bau, Kim Bon, Sập Xa, Quy Hương, Bản Cóc, Bản Sa, Bản Pun, Phai Làng, Chiềng Sại, Cò Mường, Bản Mông, Đèo Chẹn, Núi Hom, Bản Tăng, Suối Trát, Bản Nguồn, Bản Ban, Nà Lay. Thuộc Huyện Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, tỉnh Sơn La

#### 4/ Quặng Đồng tại Sơn La

Tên Giấy phép	:	Giấy chứng nhận đầu tư tỉnh Sơn La
Số quyết định Giấy phép	:	24121000018
Ngày cấp	:	39360
Thời hạn	:	28 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích dự kiến sử dụng đất cho toàn bộ dự án là 305 ha, khu vực khai thác 270 ha.
Địa điểm	:	Địa bàn huyện Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, Sơn La

#### 5/ Quặng Đồng tại Sơn La

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản đồng vùng Vạn Sài- Suối Chát thuộc huyện Phù Yên, Sơn La
Số quyết định Giấy phép	:	1568/QĐ- UBND
Ngày cấp	:	07/02/2007
Thời hạn	:	28 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích khu vực khai thác thứ nhất: 24 ha, thuộc Đá Đỏ - Xã Đá Đỏ. Diện tích khu vực khai thác thứ 2: 05 ha, thuộc xã Suối Bau. Diện tích khu vực khai thác thứ 3: 35 ha, thuộc Phiêng Lương – xã Sập Xa.



	Diện tích khu vực khai thác thứ 4: 15 ha, thuộc xã Suối Bau.
	Diện tích khu vực khai thác thứ 5: 14 ha, thuộc Bắc Đá Đỏ - xã Đá Đỏ.
	Diện tích khu vực khai thác thứ 6: 15 ha, thuộc Nà Lay – Xã Sập Xa.
	Diện tích khu vực khai thác thứ 7: 15 ha, thuộc Suối Chát – xã Tường Thượng.
	Diện tích khu vực khai thác thứ 8: 25 ha, thuộc Suối On – xã Kim Bon.
Địa điểm	: Đá Đỏ, Bắc Đá Đỏ xã Đá Đỏ; bản Pun, Phiêng Lương, Nà Lay xã Sập Xa; Suối Bau; Suối Chát xã Tường Thượng; Suối On xã Kim Bon

#### 6/ Quặng Đồng tại Sơn La

Tên Giấy phép	: Giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản đồng vùng Vạn Sài- Suối Chát thuộc huyện Mộc Châu, Sơn La
Số quyết định Giấy phép	: 1569/QĐ- UBND
Ngày cấp	: 07/02/2007
Thời hạn	: 28 năm
Diện tích khai thác	: Diện tích khu vực khai thác thứ nhất: 05 ha, thuộc bản Tân Ca – Xã Nà Mường. Diện tích khu khai thác thứ 2: 15 ha, thuộc xã Quy Hương.
Địa điểm	: Bản Tân Ca xã Nà Mường; xã Quy Hương, Mộc Châu, Sơn La.

#### 7/ Quặng Đồng tại Sơn La

Tên Giấy phép	: Giấy phép khai thác chế biến khoáng sản Đồng Vùng, Vạn Sài – Suối Chát (Huyện Bắc Yên, Tỉnh Sơn La)
Số quyết định Giấy phép	: 1570/QĐ- UBND
Ngày cấp	: 07/02/2007
Thời hạn	: 28 năm
Diện tích khai thác	: Diện tích khu vực khai thác: 12 ha, thuộc Vạn Sài – xã Chiềng Sại, được giới hạn bởi các điểm góc A,B,C,D.
Địa điểm	: Vạn Sài, xã Chiềng Sại, Bắc Yên, Sơn La



---

**8/ Quặng Sắt tại Yên Bái**

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác khoáng sản Quặng Sắt
Số quyết định Giấy phép	:	1053/GP- UBND của UBND Tỉnh Yên Bái
Ngày cấp	:	27/07/2007
Thời hạn	:	21 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích 68,3 ha.
Địa điểm	:	Cận Còng, Thuộc xã Hưng Thịnh và xã Việt Hồng, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái

---

**9/ Quặng Sắt tại Yên Bái**

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác khoáng sản Quặng Sắt
Số quyết định Giấy phép	:	1054/GP – UBND của UBND Tỉnh Yên Bái
Ngày cấp	:	26/07/2007
Thời hạn	:	21 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích 40,8 ha
Địa điểm	:	Núi 409, Thuộc xã Lương Thịnh, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái

---

**10/ Quặng Sắt tại Yên Bái**

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác khoáng sản Quặng Sắt
Số quyết định Giấy phép	:	1134/GP – UBND của UBND Tỉnh Yên Bái
Ngày cấp	:	08/07/2007
Thời hạn	:	21 năm
Diện tích khai thác	:	Tổng diện tích khu vực khai thác 18,3 ha.
Địa điểm	:	Suối Dầm, Xã An Lương, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

---

**11/ Quặng Vàng tại Điện Biên**

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác khoáng sản Vàng
Số quyết định Giấy phép	:	98/QĐ –UBND của UBND Tỉnh Điện Biên
Ngày cấp	:	23/01/2008

---



## BẢN CÁO BẠCH

---

Thời hạn	:	5 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích khu vực khai thác: hai mươi (20) ha.
Địa điểm	:	Bản Háng Trọ, Xã Phì Nhừ, Huyện Điện Biên Đông, Tỉnh Điện Biên.

---

### 12/ Quặng Molybden tại Lai Châu

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản quặng Molybden
Số quyết định Giấy phép	:	265/QĐ- UBND
Ngày cấp	:	27/03/2007
Thời hạn	:	5 năm
Diện tích khai thác	:	Diện tích khai thác 40 ha.
Địa điểm	:	Tông Qua Lìn, xã Tung Qua Lìn và xã Đào San, Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu.

---

### 13/ Quặng Vàng tại Lai Châu

---

Tên Giấy phép	:	Giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản Vàng
Số quyết định Giấy phép	:	1111/QĐ- UBND
Ngày cấp	:	29/08/2007
Thời hạn	:	48 tháng
Diện tích khai thác	:	Diện tích khu khai thác: 38,85ha.
Địa điểm	:	Xã Pắc Ta và xã Phúc Than, Huyện Than Yên, Tỉnh Lai Châu.

---

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)



Hiện tại tất cả các mỏ Công ty được cấp phép khai thác đã hoàn tất hồ sơ xây dựng các nhà máy chế biến sâu như: Nhà Máy tinh luyện Đồng tại Phù Yên Sơn Công ty đã và đang làm rất tốt các khâu chuyên môn cũng như nhận được sự tin tưởng và ủng hộ lớn của các ban ngành có liên quan từ địa phương đến trung ương.

**Bảng 6. Danh sách một số nhà cung cấp vật tư nhiên liệu cho Công ty**

<b>Stt</b>	<b>Tên nhà cung cấp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Sản phẩm cung cấp</b>
1	Xí nghiệp Công Nghiệp Hóa chất Mỏ (Sơn La, Lai châu, Hoà Bình, Điện Biên)	278 Trường Chinh, TX. Sơn La	Thuốc nổ, kíp, dây đốt
2	Công ty TNHH Công nghiệp Mỏ Hà Nam	Hà Nam – Trung Quốc	Dây chuyền tuyển quặng sắt
3	Tổng Công ty cổ phần kinh doanh thiết bị phụ tùng T&C	Thôn Cầu, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội	Thiết bị máy xúc, máy ủi, máy lu
4	Tổng Công ty thiết bị phụ tùng Hòa Phát	243 đường Giải Phóng, quận Đống Đa, Hà Nội	Thiết bị nghiền, tuyển quặng
5	Chi nhánh Tổng Công ty xăng dầu Petrolimex	Sơn La, Hoà Bình, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên	Xăng, dầu, ga, mỡ bôi trơn các loại

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

**Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Nguyên liệu chủ yếu phục vụ sản xuất của Công ty được khai thác trực tiếp tại các mỏ. Vì vậy, những chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước trong quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nguyên liệu của Công ty. Bất cứ một sự thay đổi nào về chính sách đều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung, với các mỏ đã được cấp giấy phép khai thác cũng như những mỏ đã được cấp quyết định thăm dò với trữ lượng tương đối cao và chất lượng tốt, nguồn cung ứng vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty luôn ổn định và dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 30 năm tới.

Nguồn cung ứng nhiên liệu thiết yếu như xăng, dầu cũng rất ổn định về số lượng cũng như chất lượng vì Công ty đã có được quan hệ đối tác bền chặt trong nhiều năm với các nhà cung ứng nhiên liệu trong phạm vi tỉnh cũng như một vài tỉnh thành trên cả nước.

**4.9. Cơ cấu chi phí****Bảng 7. Tỷ trọng các chi phí của Công ty qua các năm 2008, 2009 và 6T/2010**

Stt	Yếu tố	Năm 2008		Năm 2009		30/06/2010	
		Giá trị (1000 đồng)	%/DTT	Giá trị (1000 đồng)	%/DTT	Giá trị (1000 đồng)	%/DTT
1	Giá vốn bán hàng	5.549.751	83%	15.981.972	80%	35.206.807	80,8%
2	Chi phí bán hàng	-	0%	-	0%	-	0%
3	Chi phí QLDN	618.896	9%	847.105	4%	1.420.338	3,2%
4	Chi phí tài chính	-	0%	-	0%	-	0%
5	Chi phí khác	370.198	6%	885.416	4%	-	0%
<b>Tổng</b>		<b>6.538.846</b>	<b>98%</b>	<b>17.714.493</b>	<b>89%</b>	<b>36,627,145</b>	<b>84%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, năm 2009 và 06 tháng năm 2010 của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc đã được kiểm toán bởi ACA)

Đặc thù ngành khai thác mỏ sử dụng nhiều lao động và máy móc nên chi phí nhân công trực tiếp và khấu hao máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất. Và vì vậy đây giá thành lên khá cao chiếm bình quân khoảng 80% so với doanh thu thuần. Nếu như năm 2008, tổng chi phí chiếm 98% so với tổng doanh thu thuần của Công ty. Tỷ lệ này đã giảm xuống còn 89% trong năm 2009 và còn 84% trong 6 tháng 2010. Nguyên nhân chính là do chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp giảm mạnh từ 9% năm 2008 xuống còn 4% trong năm 2009 và 3,2% trong 6 tháng 2010. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán cũng giảm từ 83% xuống còn 80% trong 2009 và 80,8% trong 6 tháng 2010. Việc giảm chi phí trong thời gian vừa qua là nhờ công ty tăng cường công tác quản lý chi phí cụ thể là công ty đã tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng các bộ công nhân viên nhằm mục đích giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong các khâu sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**4.10. Trình độ công nghệ**

Hiện nay Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ Đức, Ý, Trung Quốc,.. chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước.

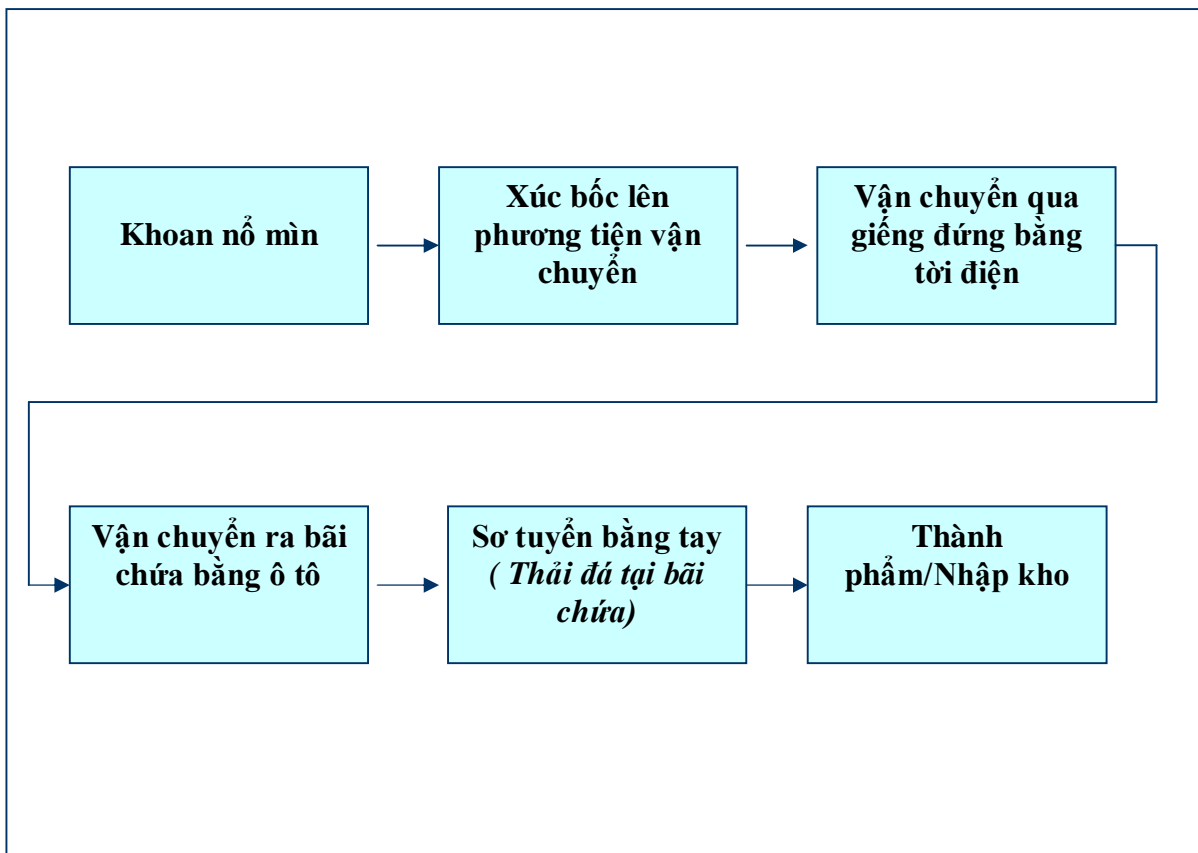


**a. Sơ đồ công nghệ tuyển Quặng sắt**



(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

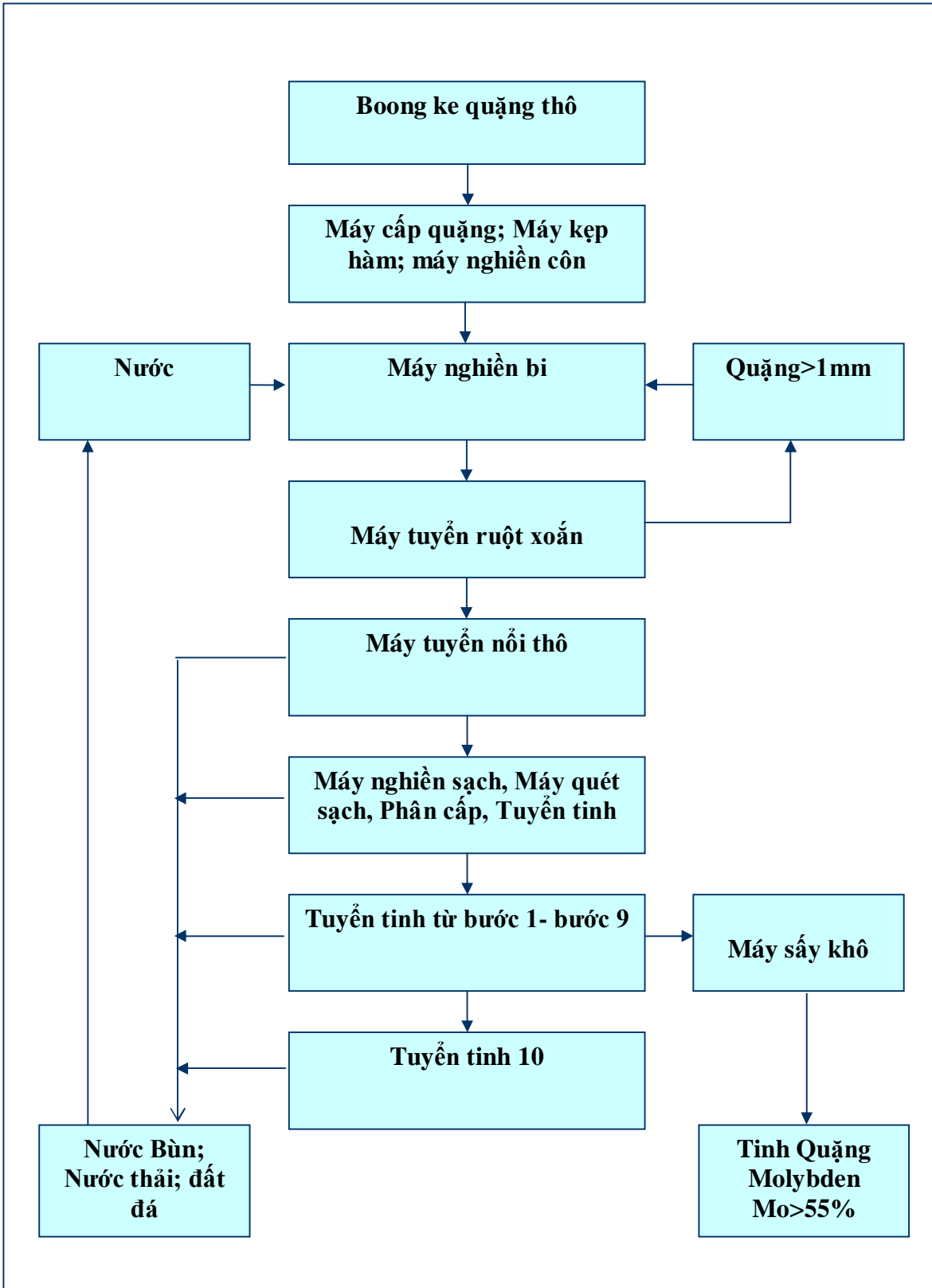
**b. Sơ đồ công nghệ tuyển Quặng Antimon**



(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)



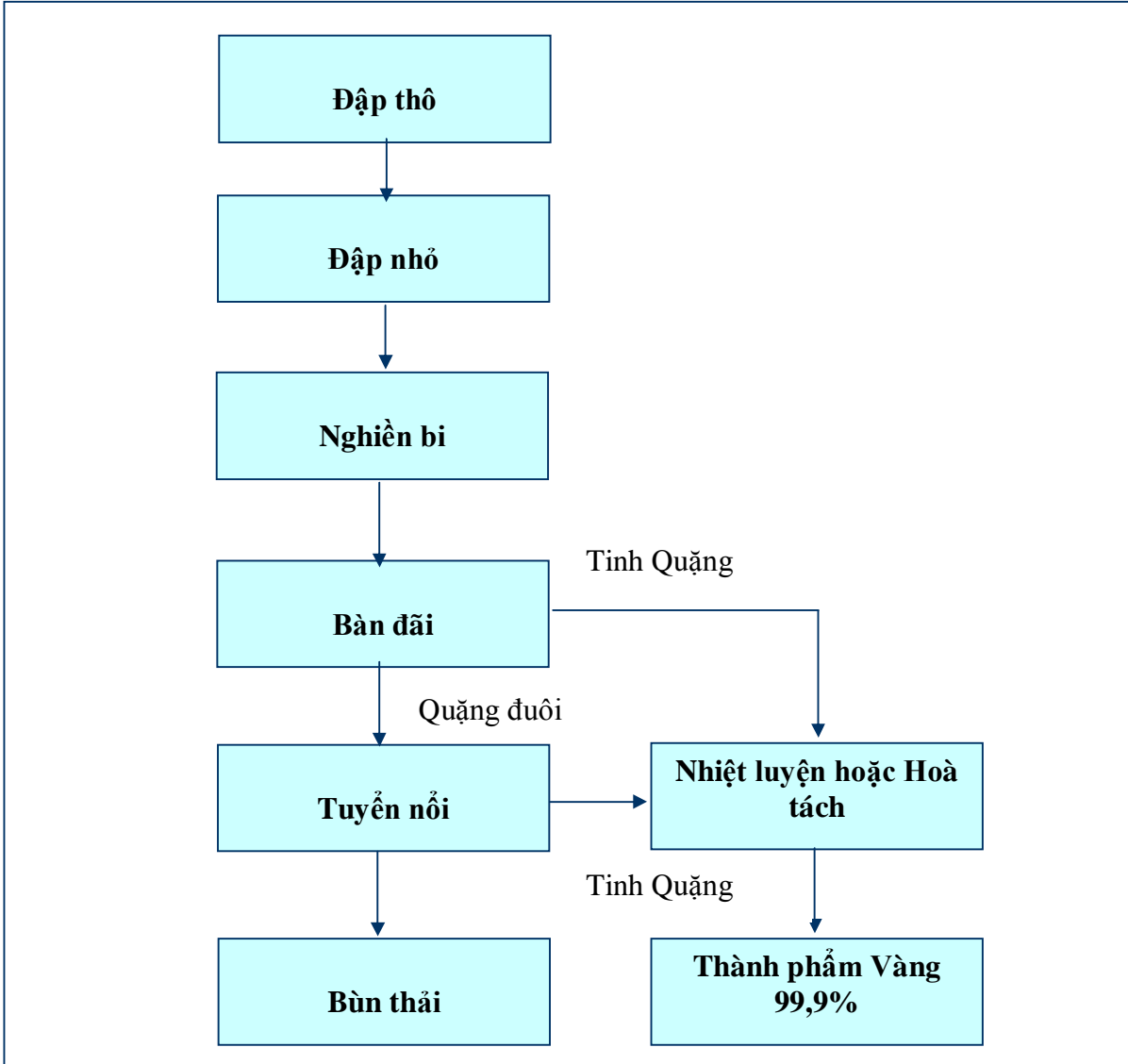
c. Sơ đồ công nghệ tuyển Quặng Molybden



(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)



**d. Sơ đồ công nghệ tuyển Quặng Vàng**



(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

**4.11. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:**

Thời gian vừa qua công ty đang đẩy mạnh công tác thăm dò và tìm quặng cũng như việc khai thác một số mỏ ban đầu chủ yếu áp dụng công nghệ khai thác thô và sản xuất quặng nguyên liệu thô nên hàm lượng giá trị gia tăng không cao. Nằm trong định hướng phát triển dài hạn của công ty là đi sâu vào chế biến quặng tinh nên công tác nghiên cứu và phát triển đang là điểm then chốt tạo nên bước đột phá cho công ty trong thời gian tới. Với mục tiêu là triển khai nghiên cứu:

- Triển khai chế biến quặng sắt với quy mô lớn;
- Tiến hành chiết tách Vàng và Đồng;
- Nghiên cứu chiết tách Molybden và Antimon tinh luyện



Với mục đích đó, công ty đã thành lập ban “Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới” của tập hợp được những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty.

Trong thời gian tới, ban nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới sẽ do các chuyên gia nước ngoài và nhiều cán bộ khoa học mỏ địa chất cao cấp của Việt Nam đảm trách.

#### **4.12. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:**

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:

- Tại các mỏ đều có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát quá trình khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai.
- Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm.

Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

#### **4.13. Hoạt động Marketing**

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mặc dù mới chính thức hoạt động được từ tháng 12 năm 2006 nhưng sản phẩm của công ty đã được nhiều người biết đến không chỉ trên địa bàn các tỉnh phía Bắc mà còn lan tỏa, có chỗ đứng vững chắc trên địa bàn cả nước cũng như các nước trong khu vực như Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc,... Điều này có được là nhờ sự kết hợp chặt chẽ giữa chất lượng sản phẩm/dịch vụ và một chiến lược marketing hiệu quả, cụ thể:

- Tham gia tích cực, đóng góp ý kiến, quảng cáo trên một số tạp chí chuyên ngành của cả nước.
- Tham gia hội chợ giới thiệu nguyên liệu khai khoáng trong và ngoài nước.
- Kết hợp mục tiêu quảng bá và trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội và cộng đồng; hàng năm Công ty tham gia tài trợ các dự án cộng đồng ủng hộ quỹ giúp đỡ người nghèo, xây nhà tình nghĩa, quỹ khuyến học, tài trợ các chương trình văn hóa và tôn giáo tại một số vùng thuộc khu vực Tây Bắc.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh qua các công cụ sau:
- Hệ thống văn phòng Công ty được trang bị hệ thống chuyên nghiệp kết hợp chặt chẽ với mô hình thiết kế hiện đại, tạo môi trường làm việc, kinh doanh thân thiện, tích cực..

- Nhân viên được đào tạo bài bản và có chuyên môn trong từng lĩnh vực.
- Hệ thống hỗ trợ thông tin như website, catalogue, hướng dẫn thiết kế, sử dụng ... đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, với phương châm ““Mỗi một phòng ban, mỗi một cán bộ đều phải có ý thức giữ gìn, nâng cao vị thế và thương hiệu sản phẩm, hình ảnh của Công ty”, trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao.

#### **4.14. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty cho đến thời điểm hiện tại.

#### **4.15. Một số hợp đồng tiêu biểu đã thực hiện hoặc đã được ký kết**

*Bảng 8. Một số hợp đồng tiêu biểu đã thực hiện hoặc đã được ký kết*

<i>Stt</i>	<i>Đối tác</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Số Hợp đồng</i>	<i>Sản phẩm cung cấp</i>	<i>Tổng giá trị Hợp đồng (đồng)</i>
1	Công ty Vạn Lợi	2010	02/2010/H ĐNT	Quặng Sắt	60.000.000.000
2	Công ty Thép Bắc Việt	2010	04/2010/H ĐNT	Quặng sắt	100.000.000.000
3	Công ty Hoà phát	2010	02/2010/HĐNT	Quặng sắt	20.000.000.000
4	Công ty TNHH Nhẫn	2010	01/2010/H ĐMB	Vàng	30.000.000.000
5	HTX 3.2 Hà Giang	2009	Theo đơn hàng	Antimon	20.000.000.000
6	Công ty TNHH TM Quảng Châu	2009	Theo đơn hàng	Molybden	20.000.000.000
7	Công ty VMF	2009	Theo đơn hàng	Vận chuyển	7.000.000.000
8	Công ty THACO	2009	Theo đơn hàng	Vận chuyển	10.000.000.000

*(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)*



## 4.16. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 4.16.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

**Bảng 8. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008, 2009 và 6 tháng năm 2010**

Đơn vị tính: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/giảm so với 2008	30/06/2010
1	Tổng giá trị tài sản	15.971.799	55.038.750	245%	341.853.560
2	Doanh thu thuần	6.659.155	19.977.465	200%	43.650.761
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	496.004	3.158.114	537%	7.055.713
4	Lợi nhuận khác	(9.149)	114.583	1.352%	235.689.583
5	Lợi nhuận trước thuế	486.854	3.272.697	572%	242.745.296
6	Lợi nhuận sau thuế	486.854	2.454.523	405%	182.058.972
7	Tỷ lệ trả cổ tức (%):	0,0%	0,0%	0,0%	360%
	+ Trả bằng tiền	-	-	-	-
	+ Trả bằng cổ phiếu (*)	-	-	-	360%

(\*) Ghi chú: Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 360% tính theo mệnh giá trên vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 và 6T/2010 của KTB được kiểm toán bởi ACA)

Từ năm 2006 đến năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu nhỏ lẻ, manh mún, chưa chuyên sâu vào khai thác công nghiệp. Nỗ lực kinh doanh chủ yếu là tăng cường công tác tìm kiếm mỏ, tiến hành thuận chủ trương để thăm dò và lập dự án đầu tư. Bên cạnh đó, do những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế kéo theo các hệ lụy sức mua hàng xuất khẩu giảm sút, khách hàng hủy đơn đặt hàng, khách hàng thanh toán chậm, thị phần trong nước sụt giảm, chi phí sản xuất tăng cao nên kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm đều đạt chỉ tiêu do HĐQT công ty đề ra nhưng chỉ mở mức khiêm tốn. Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2008 chỉ đạt 486 triệu đồng.

Từ đầu năm 2009 đến nay giá cả trên thị trường của các nguyên liệu này đã tăng lên đáng kể, tạo thuận lợi cho Công ty trong việc đẩy mạnh sản xuất và xuất kho sản phẩm tồn, nhưng việc đầu tư lớn vào khai thác công nghiệp và chế biến sâu vẫn chưa được triển khai mạnh.

Năm 2010 sẽ là năm bản lề để công ty tiến hành tăng vốn đẩy mạnh đầu tư khai thác và chế biến quặng tinh để chuẩn bị cho giai đoạn khai thác mạnh các nguồn mỏ mà công ty đang có. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2010, doanh thu và lợi nhuận chính từ hoạt động khai thác mỏ của công ty đã tăng gấp 2 lần so với kết quả cả năm 2009 và tổng doanh thu 6 tháng 2010 cũng tăng tương ứng 200% so với cả năm 2009. Tuy nhiên, lợi nhuận có tăng đột biến trong 6 tháng 2010 là do công ty hạch toán phần thu nhập bất thường từ





chênh lệch giá trị quyền khai thác mỏ khi góp vốn đầu tư.

#### 4.16.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

##### ■ Những nhân tố thuận lợi

**Chính sách của Nhà nước:** Khoáng sản và xây dựng là những ngành được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi về hoạt động khai thác ở những vùng có cơ sở hạ tầng kém phát triển, những doanh nghiệp có kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.

**Hội nhập kinh tế quốc tế:** Việc hội nhập sâu rộng của Việt Nam đã mở ra cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu cho các ngành nghề nói chung và ngành chế biến và khai thác khoáng sản nói riêng.

**Nguồn lực sản xuất:** Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các mỏ khai thác có trữ lượng lớn. Việc cần làm hiện nay của Công ty là mở rộng sản xuất về quy mô, nâng cao năng lực sản xuất để có thể khai thác được tối đa nguồn tài nguyên đã được cấp phép.

**Nguồn lực con người:** Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

**Thị trường tiêu thụ sản phẩm:** Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm quặng của Công ty như Silic, đá trắng, quặng sắt,... đều đang tăng cao. Hơn nữa Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm rất ổn định với giá trị hợp đồng lớn, thị trường không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng ra các nước trong khu vực và Trung Đông.

**Sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương:** Sự quan tâm, chia sẻ, chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo, ban ngành địa phương nơi có hoạt động khai mỏ của công ty là điểm tựa và động lực để doanh nghiệp thực hiện tốt chiến lược kinh doanh của mình.

##### ■ Những nhân tố khó khăn

**Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:** Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành công nghiệp dùng nguyên liệu quặng làm nguyên liệu đầu vào nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm quặng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua. Giá vật liệu đầu vào từ đầu năm 2009 đã tăng khá mạnh cũng gây ra những khó khăn nhất định trong vấn đề quản lý, hoạch định chi phí sản xuất của Công ty.

**Công tác quản lý các mỏ thuộc chủ quyền của Công ty:** Mặc dù có trữ lượng mỏ được cấp phép là hết sức dồi dào, nhưng vấn đề quản lý, khai thác một cách hiệu quả nhất những lợi thế đang có cũng là một thách thức không nhỏ đối với Công ty khi tình trạng khai thác tự do, khai thác lậu diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn.

**Nguồn vốn đầu tư:** Hiện tại, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty chưa đủ lớn để đáp ứng các kế hoạch, dự án kinh doanh có quy mô đầu tư các mỏ lớn, khai thác đại trà để đưa Công ty



phát triển sang giai đoạn mới.

**Công nghệ thiết bị:** Mặt bằng công nghệ sản xuất và quản lý chưa thực sự đồng bộ, thậm chí một số công đoạn đã bị lạc hậu so với yêu cầu khai thác và chế biến trong điều kiện mới làm ảnh hưởng đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra của công ty.

#### 4.17. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

##### ■ Vị thế của Công ty trong ngành

Với những chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư của các tỉnh Yên Bái; Sơn La; Hoà Bình, Lai Châu vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt với những doanh nghiệp có công nghệ khai thác tiên tiến, đảm bảo an toàn hệ sinh thái cũng như sức khỏe của người lao động trực tiếp sản xuất, Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc đang có những lợi thế đáng kể so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh cũng như trên cả nước, cụ thể:

- **Về uy tín:** mặc dù là một doanh nghiệp trẻ trong ngành khai thác mỏ tại khu vực các tỉnh phía bắc nhưng có thể nói Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc là một trong những Công ty có uy tín hàng đầu. Với những thành tích tốt trong sản xuất những năm qua, Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của tỉnh Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình, Điện Biên tạo điều kiện tối đa cho việc cấp phép, khai thác các vùng có những điểm mỏ lớn, có giá trị kinh tế cao như vàng, Đồng, Antimon, Molybden, sắt,...đây là một lợi thế đặc biệt quan trọng của Công ty trong quá trình hội nhập và phát triển thời gian tới.
- **Về nhân lực:** Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc có đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, đoàn kết, năng động, tích cực đổi mới, nhạy bén trong việc nhận định tình hình và có tinh thần dám nghĩ, dám làm và mạnh dạn quyết định những bước đi có tính chất đột phá nhằm đạt mục tiêu chiến lược của Công ty. Hơn nữa, lãnh đạo công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành khai thác khoáng sản. Bên cạnh đó, công ty còn có đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao với công việc; luôn học hỏi cái mới, nâng cao trình độ chuyên môn để tự hoàn thiện mình và hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất.
- **Về công nghệ:** Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc luôn cân bằng việc khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường sinh thái lên hàng đầu. Chính vì vậy, công ty luôn chú trọng đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại đủ năng lực khai thác và sản xuất các loại quặng ngày càng sâu và tinh hơn và đảm bảo bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên tại khu vực khai thác cũng như sức khỏe con người cho các khu vực lân cận.
- **Về nguồn mỏ:** Đây có thể nói hiện là thế mạnh nổi bật của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc, với lượng mỏ đã được cấp phép, công ty có thể tiến hành khai thác trong thời gian 30 năm. Lượng mỏ của công ty là các mỏ có hàm lượng quặng cao và có nhiều mỏ quặng quý cũng như thuận lợi cho việc triển khai khai thác.

##### ■ Triển vọng phát triển của ngành

Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng kim loại có giá



trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Quặng sắt được phát hiện và khoan định trên 200 vị trí, tập trung chủ yếu ở vùng núi phía Bắc. Các loại khác như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn,... riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác, chế biến và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản luôn đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác quặng. Khoáng sản kim loại luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Với nhu cầu sản xuất sử dụng nguyên liệu từ quặng ngày càng cao thì ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

### **■ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Công nghiệp khai khoáng là ngành đầu tư lớn, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là khi tăng trưởng kinh tế đòi hỏi nhiều các nguyên nhiên liệu quặng làm đầu vào, nhờ đó các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ thu được lợi nhuận lớn. Hiện tại, hầu hết các Công ty trong ngành này đều đang ở vị thế “độc quyền” trong việc khai thác, có lợi nhuận hấp dẫn, dễ khai thác. Tuy nhiên, lợi thế là vậy nhưng các Công ty hoạt động trong ngành chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế...Thêm vào đó, chi phí khai thác mỏ phụ thuộc rất nhiều vào giá cả nhiên liệu như xăng, dầu và giá cả những nguyên nhiên liệu này trong những năm gần đây liên tục biến động, ảnh hưởng lớn đến kết quả khai thác nếu không có kế hoạch dài hạn trong việc dự trữ nhiên liệu hợp lý. Bên cạnh việc chiếm giữ các lợi thế về nguồn mỏ, nguồn tài chính, ...các công ty khai thác mỏ luôn phải đảm bảo công nghệ khai thác để bảo vệ môi trường. Trước tình hình trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới, cụ thể như :

- Lập quy hoạch phát triển bền vững cho các mỏ hiện Công ty đang khai thác hoặc đã được cấp phép và sẽ tiến hành khai thác trong thời gian tới. Xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.
- Nghiên cứu công nghệ thu hồi các khoáng chất và nguyên tố cộng sinh trong các mỏ. Nghiên cứu áp dụng công nghệ chế biến và sử dụng lại các chất thải nhằm hình thành công nghệ ít hoặc không phế thải công nghiệp.
- Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản cho từng mỏ khai thác, loại khoáng sản, vùng khoáng sản.
- Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết.



- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.

#### 4.18 Chính sách đối với người lao động

##### 4.18.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến ngày 30/06/2010, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác của Công ty là 1.125, trong đó có 156 lao động ký hợp đồng lao động trên 1 năm.

**Bảng 9. Tình hình sử dụng lao động tại công ty qua 2009 và 2010**

*Đơn vị tính : Người*

<i>Yếu tố</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>30/06/2010</i>
■ <b>Số lượng nhân viên</b>	<b>950</b>	<b>1.125</b>
■ <b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>950</b>	<b>1.125</b>
■ Trên đại học	1	3
■ Đại học	30	35
■ Cao đẳng, Trung cấp	50	60
■ Khác	869	1.027
■ <b>Phân theo thời hạn hợp đồng</b>	<b>950</b>	<b>1.125</b>
■ LD không thuộc diện ký HĐLĐ (TGD, PTGD, KTT)	9	9
■ Hợp đồng không xác định thời hạn	31	38
■ Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	80	109
■ Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	830	969

*(Nguồn : Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)*

##### 4.18.2. Chính sách đối với người lao động

###### ■ Chế độ làm việc

**Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm



thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

**Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

**Nghỉ ốm, thai sản:** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (04 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 04 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

**Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

### ■ Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

**Đối với lao động trực tiếp:** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

**Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

### ■ Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 3.500.000 đồng/ tháng
- Lương bình quân của khối hành chính: 5.000.000 đồng/ tháng

### ■ Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công





ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**■ Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

**4.19 Chính sách cổ tức**

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn. Trong 3 năm 2007, 2008 và 2009, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh còn khiêm tốn, hoạt động khai thác và sản xuất khoáng sản chủ yếu đang trong giai đoạn xin cấp phép và đầu tư ban đầu nên cần nhiều vốn. Năm 2010, tỷ lệ cổ tức dự kiến cả năm là 70% (*trong đó đã tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu 360% tính theo mệnh giá trên vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng, tương đương khoảng 67% tính theo mệnh giá trên vốn điều lệ 268 tỷ đồng*) và các năm 2011, 2012 và 2013, dự kiến tỷ lệ chia cổ tức sẽ tối thiểu 20% hàng năm (tính trên mệnh giá), cụ thể tỉ lệ chia cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

**4.20 Tình hình hoạt động tài chính**

**4.20.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

**■ Trích khấu hao TSCĐ:**

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm





Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải	04 – 15 năm
Dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

### ■ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, không có khoản vay Ngân hàng; vào thời điểm 30/06/2010 Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

### ■ Trích lập các Quỹ theo luật định:

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định

Tính đến ngày 30/06/2010 số dư các Quỹ của Công ty như sau:

**Bảng 10. Trích lập các Quỹ**

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
1	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	128.620
2	Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	257.240
3	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	128.620
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>514.480</b>

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 và 06 tháng năm 2010 của KTB được kiểm toán bởi ACA)*

Trong 2 năm 2008 và 2009 do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh không nhiều, quy mô hoạt động còn nhỏ nên Công ty tạm thời không trích lập quỹ. Trong năm 2010 dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là khả quan, đồng thời với việc đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô, Công ty tiến hành trích lập các quỹ khác như quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng rủi ro tài chính, và quỹ phúc lợi theo luật định.

### Tổng dư nợ vay

**Bảng 11. Tổng dư nợ vay của công ty**

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-



2	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 và 6T/2010 của KTB được Kiểm toán bởi ACA)

### ■ Tình hình công nợ hiện nay:

#### Công nợ phải thu của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2010

**Bảng 12. Tình hình Công nợ phải thu của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2010**

Đơn vị tính: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tổng số	% so với tổng tài sản
1	Phải thu của khách hàng	21.392.396	6,27%
2	Trả trước cho người bán	16.452.979	4,8%
3	Các khoản phải thu khác	-	-
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>37.845.375</b>	<b>11,07%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 và 06 tháng năm 2010 của KTB được kiểm toán bởi ACA)

#### Công nợ phải trả của Công ty tại ngày 30/06/2010

**Bảng 13. Công nợ phải trả của Công ty tại ngày 30/06/2010**

Đơn vị tính: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tổng số	% so với tổng tài sản
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	-
2	Phải trả cho người bán	7.678.390	2,24%
3	Thuế và các nghĩa vụ phải nộp nhà nước	61.543.792	18,00%
4	Phải trả công nhân viên	-	-
5	Chi phí phải trả	-	-
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>69.222.182</b>	<b>20,24%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 và 06 tháng năm 2010 của KTB được kiểm toán bởi ACA)



## 4.20.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 14. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua 2008, 2009 và 6T/2010**

Các chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	30/06/2010
<b>1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	5,1	2,9	20,28
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	5,3	3,0	25,63
<b>2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,75	20,5	0,95
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
TSLĐ - Hàng tồn kho	Lần	2,71	17,51	0,85
Nợ ngắn hạn				
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Doanh thu thuần	Lần	214,8	4,14	6,1
Hàng tồn kho				
+ Số vòng quay khoản phải thu:				
Doanh thu thuần	Lần	7,73	1,9	1,15
Các khoản phải thu				
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản:				
Doanh thu thuần	Lần	0,41	0,36	0,127
Tổng tài sản				
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	7,3	12,28	417,1
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	3,2	4,66	67,30
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	3,04	4,45	53,25
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7,45	15,8	16,16



- **Về cơ cấu nguồn vốn:** công ty có hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu khá thấp qua các năm. Cụ thể, nợ chỉ chiếm 2,9% trên tổng tài sản và chiếm 3% trên vốn chủ sở hữu năm 2009, tuy nhiên, cơ cấu này đã có thay đổi và nợ đã chiếm 20,28% và 25,62% trên vốn chủ sở hữu trong 6 tháng 2010. Điều này cho thấy xu hướng công ty dụng đòn bẩy tài chính nhiều hơn.
- **Về khả năng thanh toán:** Khả năng thanh toán hiện hành cũng như khả năng thanh toán nhanh của Công ty tương đối khả quan. Đặc biệt năm 2009, các hệ số này lần lượt là hơn 20 và 17 lần. Nguyên nhân chủ yếu là công ty đang sử dụng ít nợ và luôn thanh toán công nợ đúng hạn. Riêng 6 tháng 2010 thì cả hệ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh đã giảm nhanh chóng tuy nhiên vẫn ở mức độ an toàn, gần xấp xỉ bằng 1. Nguyên nhân là do một số khoản phải trả tăng đã làm hệ số này giảm khá mạnh.
- **Về năng lực hoạt động:** Vòng quay hàng tồn kho của Công ty khá nhanh chứng tỏ công ty đã thực hiện chính sách quản lý hàng tồn kho khá hiệu quả. Thực tế, khi sản phẩm của công ty khai thác và sơ tuyển xong là xuất bán ngay nên lượng hàng ứ đọng là không đáng kể. Vòng quay các khoản phải thu có xu hướng giảm xuống, công ty cần xem xét chính sách bán hàng, thu hồi công nợ để tránh bị chiếm dụng vốn trong thời gian tới. Tương tự, vòng quay tổng tài sản khá thấp trong giai đoạn hiện tại cũng hợp lý khi mà công ty đang trong giai đoạn tích mở, đầu tư dự án để khai thác và doanh thu chưa cao. Hệ số này sẽ cải thiện nhanh chóng trong thời gian tới.
- **Về khả năng sinh lời:** Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu khá cao chứng tỏ Công ty đã tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh giảm giá thành sản phẩm. Công ty đang tiến dần đến với chuẩn chung của ngành khai thác khoáng sản. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, nếu loại trừ yếu tố bất thường, còn tương đối khiêm tốn. Hệ số này sẽ som được cải thiện khi phần lớn các tài sản (các mỏ) của công ty bắt đầu được đưa vào khai thác và tạo lợi nhuận cao.



## 4.21. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

### 4.21.1 Danh sách

#### ■ Danh sách Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/07/2010

*Bảng 15. Danh sách Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/07/2010*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Văn Tặng	Chủ tịch	10/06/1961	100.000	0,37
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	12/08/1960	1.400.000	5,20
3	Đào Bá Tuấn	Thành viên	16/11/1977	100.000	0,37
4	Hứa Trung Sỹ	Thành viên	16/04/1971	100.000	0,37
5	Hoàng Kim Thành	Thành viên	15/03/1960	100.000	0,37

#### ■ Danh sách Ban Kiểm soát

*Bảng 16. Danh sách thành viên Ban kiểm soát*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng ban	01/10/1974	20.000	0,07
2	Âu Văn Long	TV Ban kiểm soát	09/09/1998	5.000	0,019
3	Đỗ Thị Thanh Dung	TV Ban kiểm soát	24/04/1983	5.000	0,019

#### ■ Kế toán trưởng

*Bảng 17. Kế toán trưởng*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Ngô Văn Hiến	Kế toán trưởng	01/10/1983	5.000	0,019



## 4.21.2. Sơ yếu lý lịch

### A/ Hội đồng Quản trị

#### ▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Họ và tên** : **Trần Văn Tạng**  
- Giới tính : Nam  
- Ngày tháng năm sinh : 10/06/1961  
- CMND số : 013326953 cấp ngày 03/07/2010 tại Hà Nội  
- Nơi sinh : Nam Định  
- Quốc tịch : Việt Nam  
- Dân tộc : Kinh  
- Quê quán : Giao Phong, Giao Thủy, Nam Định  
- Địa chỉ thường trú : P 302, Nơ 4A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội  
- Số điện thoại ở cơ quan : 04.37199999  
- Trình độ văn hóa : 10/10  
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

#### **Quá trình công tác**

- Từ 04/1994-12/2004 : Phó phòng Kinh doanh điện năng, điện lực Bắc Giang  
- Từ 04/2004-03/2007 : Trưởng chi nhánh điện thành phố Bắc Giang  
- Từ 03/2007– đến nay : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc  
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
- Chức vụ ở tổ chức khác : Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Nari Hamico

**Số cổ phần nắm giữ** : **100.000 cổ phần**

- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần  
- Sở hữu cá nhân : 100.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

**Người có liên quan nắm giữ cổ phần** : **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không





▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên** : **Nguyễn Văn Dũng**  
- Giới tính : Nam  
- Ngày tháng năm sinh : 12/08/1960  
- CMND số : 120949106 cấp ngày 23/06/2006 tại Bắc Giang  
- Nơi sinh : Bắc Giang  
- Quốc tịch : Việt Nam  
- Dân tộc : Kinh  
- Quê quán : Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang  
- Địa chỉ thường trú : Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang  
- Số điện thoại ở cơ quan : 04.37199999  
- Trình độ văn hóa : 10/10  
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác**

- Từ 1975-2004 : Xã viên hợp tác xã nông nghiệp  
- Từ 2004 – đến nay : Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc  
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT kiêm trưởng phòng Vật tư Xe máy  
- Chức vụ ở tổ chức khác : Giám đốc Công ty TNHH Hùng Dũng

**Số cổ phần nắm giữ** : **1.400.000 cổ phần**

- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần  
- Sở hữu cá nhân : 1.400.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

**Người có liên quan nắm giữ cổ phần** : **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không



▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên** : **Hoàng Kim Thành**  
- Giới tính : Nam  
- Ngày tháng năm sinh : 15/02/1960  
- CMND số : 013016589  
- Nơi sinh : Đông Anh, Hà nội  
- Quốc tịch : Việt nam  
- Dân tộc : Kinh  
- Quê quán : Đông Anh, Hà nội  
- Địa chỉ thường trú : Lô32 BT3, P. Hoàng Liệt, Hà nội  
- Số điện thoại ở cơ quan : 04.37198888  
- Trình độ văn hóa : 10/10  
- Trình độ chuyên môn : Đại học sư phạm

**Quá trình công tác**

- Từ 1981-1985 : Cán bộ văn hoá, thể Thao gang thép Thái Nguyên  
- Từ 1985 – 1998 : Cán bộ Dịch vụ thương nghiệp TX Bắc Kạn  
- Từ 1998- 2003 : GV Giảng dạy văn hoá, Sở giáo dục tỉnh Bắc Kạn  
- Từ 2003- 2009 : CB quản lý giáo dục, Sở giáo dục và ĐT tỉnh Bắc Kạn  
- Từ 2009- đến nay : Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc  
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT

**Số cổ phần nắm giữ** : **100.000 Cổ phần**

**(đến 30/7/2010)**

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

**Người có liên quan nắm giữ cổ phần** : **Không**



▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	: <b>Hứa Trung Sỹ</b>
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 16/04/1971
- CMND số	: 095161928 Cấp ngày 20/3/2010 tại Bắc Kạn
- Nơi sinh	: Thái Nguyên
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Đồng Hỷ - Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú	: Tổ 16, P. Sông Cầu, TX. Bắc Kạn
- Số điện thoại ở cơ quan	: 0977327888
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

- Từ 04/1995-12/2006	: Công nhân Công ty Xăng dầu Bắc Thái
- Từ 01/2007– đến nay	: Tổng Công ty Khoáng sản Nari Hamico
- Chức vụ hiện nay	: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ ở tổ chức khác	: Giám đốc Công ty Cp Thép Sơn Trang

**Số cổ phần nắm giữ** : **100.000 cổ phần**

- Đại diện sở hữu Nhà nước	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 100.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

**Người có liên quan nắm giữ cổ phần** : **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không



▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	: <b>Đào Bá Tuấn</b>
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 16/11/1977
- CMND số	: 095140889 cấp ngày 10/1/2007 tại Bắc Cạn
- Nơi sinh	: Chương Mỹ - Hà Tây
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Tây
- Địa chỉ thường trú	: Số 23A Ngõ 400 Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại ở cơ quan	: 0281.3872618
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kỹ thuật
<b>Quá trình công tác</b>	
- Từ 2000 – đến nay	Cán bộ thiết kế Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn
- Chức vụ hiện nay	: Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ ở tổ chức khác	Nhân viên thiết kế Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	: <b>100.000 cổ phần</b>
- Đại diện sở hữu Nhà nước	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 100.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	: Không
<b>Người có liên quan nắm giữ cổ phần</b>	: <b>Không</b>
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không



## B/ Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

### ▪ Trưởng Ban Kiểm soát

<b>Họ và tên</b>	: Nguyễn Văn Hưng
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 01/10/1974
- CMND số	: 090671036 cấp ngày 11/1/2000 tại Thái Nguyên
- Nơi sinh	: Thái Nguyên
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú	: Tổ 12, P. Tân Thịnh, Tp. Thái Nguyên
- Số điện thoại ở cơ quan	: 0912660574
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ

### Quá trình công tác

- Từ 11/1993-07/1998	: Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Xây dựng Minh Phụng Thái Nguyên
- Từ 8/1998-12/2001	: Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Xây dựng & Phát triển Hạ Tầng Thái Nguyên
- Từ 1/12002- 6/2007	: Kế toán tổng hợp Công ty Cp Xây dựng Số 1 Thái Nguyên
- Từ 07/2007– đến nay	: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Công nghiệp Kẽm Việt Thái
- Chức vụ hiện nay	: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ ở tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Công nghiệp Kẽm Việt Thái

### Số cổ phần nắm giữ : 20.000 cổ phần

- Đại diện sở hữu Nhà nước	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 20.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

**Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không**

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

### ▪ Thành viên Ban Kiểm soát



<b>Họ và tên</b>	: <b>Âu Văn Long</b>
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 9/9/1998
- CMND số	: 091701791 cấp ngày 27/6/2009 tại Thái Nguyên
- Nơi sinh	: Na Mao, Đại Từ Thái Nguyên
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Na Mao, Đại Từ Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú	: Xã Xuất Hóa, TX. Bắc Kạn
- Số điện thoại ở cơ quan	: 0281.6286786
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Trung cấp Kế toán
<b>Quá trình công tác</b>	
- Từ 01/2009– đến nay	: Nhân viên hành chính Tổng công ty Cp Khoáng sản Nari Hamico
- Chức vụ hiện nay	: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ ở tổ chức khác	Nhân viên hành chính Tổng công ty Cp Khoáng sản Nari Hamico
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	
- Đại diện sở hữu Nhà nước	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 5.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	: Không
<b>Người có liên quan nắm giữ cổ phần</b>	: <b>Không</b>
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không





▪ **Thành viên Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	: <b>Đỗ Thị Thanh Dung</b>
- Giới tính	: Nữ
- Ngày tháng năm sinh	: 24/4/1983
- CMND số	: 131337257 cấp ngày 3/3/1998 tại Phú Thọ
- Nơi sinh	: Việt Trì, Phú Thọ
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Việt Trì, Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú	: 8A Ngõ 110, Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại ở cơ quan	: 04.3719888
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	
- Từ 07/2005-07/2006	: Kế toán Công ty CP Đầu tư & Thương Mại Nam Dương
- Từ 01/2008-06/2010	: Nhân viên kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương
- Từ 07/2010– đến nay	: Trưởng phòng hành chính Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc
- Chức vụ hiện nay	: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ ở tổ chức khác	: Không
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	
- Đại diện sở hữu Nhà nước	: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	: 5.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	: Không
<b>Người có liên quan nắm giữ cổ phần</b>	
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không



**C/ Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc**

- **Tổng Giám đốc**

**Họ và tên** : **Trần Văn Tạng** (*xem lý lịch phần trên*)



**D/ Kế toán trưởng**

**Họ và tên** : Ngô Văn Hiến  
- Giới tính : Nam  
- Ngày tháng năm sinh : 01/10/1983  
- CMND số : 100747042 cấp ngày 19/05/2010 tại Quảng Ninh  
- Nơi sinh : Nghĩa Hưng, Nam Định  
- Quốc tịch : Việt Nam  
- Dân tộc : Kinh  
- Quê quán : Nghĩa Hưng, Nam Định  
- Địa chỉ thường trú : 55 Ngõ 97, Ngách 16, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội  
- Số điện thoại ở cơ quan : 04.3719888  
- Trình độ văn hóa : 12/12  
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

- Từ 01/2006 – 6/2007 : Nhân viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế IFC.  
- Từ 06/2007-06/2010 : Nhân viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).  
- Từ 07/2010– đến nay : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc  
- Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng  
- Chức vụ ở tổ chức khác : Không

**Số cổ phần nắm giữ** : **5.000 cổ phần**

- Đại diện sở hữu Nhà nước : 0 cổ phần  
- Sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

**Người có liên quan nắm giữ cổ phần** : **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**4.22. Tài sản****■ Tổng hợp tài sản****Bảng 18. Tổng hợp tài sản cố định đến 30/06/2010**

Stt	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>A</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>6,325,291,745</b>	<b>877,418,851</b>	<b>5,447,872,894</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	1,529,507,847	-	1,529,507,847
2	Máy móc thiết bị	2,433,689,612	407,293,204	2,026,396,408
3	Phương tiện vận tải	2,311,206,667	419,238,028	1,891,968,639
4	Dụng cụ quản lý	50,887,619	50,887,619	-
5	Cây lâu năm	-	-	-
6	Tài sản cố định khác	-	-	-
<b>B</b>	<b>TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>242,500,000,000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6,325,291,745</b>	<b>877,418,851</b>	<b>247,947,872,894</b>

*(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)***■ Chi tiết tài sản cố định trên 10 triệu đến 30/06/2010****Bảng 19. Chi tiết một số tài sản cố định trên 10 triệu đến 30/06/2010**

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Máy ép không khí (6m <sup>3</sup> /phút)	225.000.000	225.000.000
2	Máy ép không khí (9m <sup>3</sup> /phút)	1.400.000.000	1.400.000.000
3	Máy khoan đá YT-25	1.350.000.000	1.350.000.000
4	Máy khoan đá hướng trên YST-45	650.000.000	650.000.000
5	Máy phát điện dự phòng	60.000.000	60.000.000
6	Máy băng chuyền nghiêng	550.000.000	550.000.000
7	Tời điện	200.000.000	200.000.000

*(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)*

**4.23. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tiếp theo từ năm 2010 đến năm 2012****Bảng 20. Kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2010, 2011, và 2012**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng (giảm) so với 2009	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng (giảm) so với 2010	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng (giảm) so với 2011
1	Vốn điều lệ	268	387	268	0,0%	268	0,0%
2	Doanh thu thuần	100	501	425	325%	635	49,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	245	7.387	131	-32,8%	195	48,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	195	7.859	105	-46,15%	155	47,6%
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	195,0%	182,7	24,7%	-170,3%	24,4%	-0,3%
6	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	72,7%	67,8	39,2%	-33,5%	57,8%	18,6%
7	Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)	70,0%(*)	-	20,0%	0,0%	20,0%	0,0%

(\*) Trong đó, công ty đã tạm ứng cổ tức 360% tính theo mệnh giá trên vốn điều lệ 50 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, tương đương với 67% tính theo mệnh giá trên vốn điều lệ 268 tỷ đồng)

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc)

**4.13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.**

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc lập kế hoạch doanh thu lợi nhuận dựa trên một số căn cứ cụ thể như sau:

- Dự báo nhu cầu thị trường trong nước và thế giới về các sản phẩm quặng như sắt, antimon, molybden và vàng Công ty cung cấp trong những năm tới.
- Dựa vào năng lực sản xuất hiện tại và chiến lược đầu tư nhà máy, dây chuyền mới cùng như việc mở rộng nâng lực sản xuất khai thác hiện tại.
- Quy mô và trữ lượng các mỏ hiện đang có và các mỏ đang triển khai đầu tư khác.
- Năng lực tài chính hiện tại và tương lai;
- Giá bán dự kiến từng loại sản phẩm cho những năm tới.
- Giá thành sản xuất kế hoạch đối với từng loại sản phẩm.
- Kế hoạch sản phẩm trong những năm tới như việc mở rộng khai thác các loại quặng kim loại màu khác cũng như việc đi sâu vào tinh chế quặng hiện tại để giảm việc bán quặng thô.
- Kế hoạch sản lượng trong các năm tới.
- Các ưu đãi về thuế tại các địa bàn khai thác.

- Chi phí vốn kế hoạch trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, việc đánh giá công ty theo mô hình SWOT một cách khách quan cụ thể như sau:

### ■ **Điểm mạnh**

- Trữ lượng các mỏ quặng có giá trị của Công ty như sắt, vàng, Đồng, Antimon, Molybden... rất dồi dào và có chất lượng tốt, thời gian khai thác dài.
- Máy móc, trang thiết bị dành cho sản xuất hiện đại, khai thác được tối đa tiềm năng mỏ và giảm thiểu chi phí.
- Thị trường tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ của Công ty rất ổn định trên cả nước và xuất khẩu được ra các thị trường trong khu vực Châu Á và Trung Đông.
- Đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao gắn bó với Công ty tạo nên một tập thể đoàn kết, giàu sức mạnh.

### ■ **Điểm yếu**

- Là một doanh nghiệp trẻ nếu so với các Công ty trong khu vực Nhà nước đã có rất nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng.
- Phụ thuộc nhiều vào các chính sách vĩ mô của Nhà nước về khai thác khoáng sản. Bất kỳ sự biến động nào về chính sách cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### ■ **Cơ hội**

- Với uy tín ngày càng cao trong ngành, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục được cấp phép các mỏ quặng mới với trữ lượng cao và rất có giá trị về mặt kinh tế, là cơ sở để Công ty mở rộng quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ.
- Nền kinh tế thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng sẽ bắt đầu bước vào một chu kỳ phát triển mới trong những năm tới, tạo ra những cơ hội lớn cho những doanh nghiệp có nội lực và năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và Công ty cũng không phải là ngoại lệ.
- Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh sẽ nâng cao uy tín cho Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty huy động vốn từ các Nhà đầu tư cho các dự án mới.

### ■ **Thách thức**

- Với chính sách ngày càng hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô của Nhà nước nhằm hạn chế việc chảy máu nguồn tài nguyên đang đặt ra cho Công ty một sức ép không nhỏ về việc đầu tư máy móc và nghiên cứu công nghệ nhằm nâng cao hơn nữa hàm lượng quặng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Vấn đề bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên những khu vực mỏ khai thác và bảo vệ an toàn trong sản xuất cho người lao động





#### 4.23.2. Tóm tắt các dự án đầu tư trong thời gian tới

##### ■ Dự án đầu tư khai thác Quặng sắt tại Yên Bái

---

<b>Tên dự án</b>	: <b>Dự án khai thác mỏ sắt Cận Còng, Yên Bái</b>
Số quyết định Giấy phép	: 1053/GP- UBND của UBND Tỉnh Yên Bái
Ngày cấp	: 27/07/2007
Thời hạn	: 21 năm
Diện tích khai thác	: Diện tích 68,3 ha
Địa điểm	: Cận Còng, Thuộc xã Hưng Thịnh và xã Việt Hồng, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái
Trữ lượng khai thác	: 11.199.099 tấn
Tỷ lệ lợi ích	: 49% (KTB được hưởng 49% lợi ích từ khai thác dự án)
Tiến độ đầu tư	: Đang làm thủ tục giải phóng mặt bằng để tiến hành khai thác.
Thời gian khai thác	: QIV/2010
Tổng vốn đầu tư	: 110.000.000.000 đồng (trong đó, tỷ lệ tài trợ từ vốn tự có và vay ngân hàng là: 30:70)
Doanh thu hàng năm	: Khoảng 400 tỷ đồng/năm
Lợi nhuận hàng năm	: 105 tỷ/năm

---



---

<b>Tên dự án</b>	: <b>Dự án khai thác mỏ sắt Núi 409, Yên Bái</b>
Số quyết định Giấy phép	: 1054/GP – UBND của UBND Tỉnh Yên Bái
Ngày cấp	: 26/07/2007
Thời hạn	: 21 năm
Diện tích khai thác	: Diện tích 40,8 ha
Địa điểm	: Núi 409, Thuộc xã Lương Thịnh, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái
Trữ lượng khai thác	: 6.250.000 tấn
Tỷ lệ lợi ích	: 49% (KTB được hưởng 49% lợi ích từ khai thác dự án)

---



## BẢN CÁO BẠCH

---

Tiến độ đầu tư	:	Đang làm thủ tục giải phóng mặt bằng để khai thác.
Thời gian khai thác	:	QIV/2010
Tổng vốn đầu tư	:	95.000.000.000 đồng (trong đó, tỷ lệ tài trợ từ vốn tự có và vay ngân hàng là: 30:70)
Doanh thu hàng năm	:	Khoảng 300 tỷ đồng/năm
Lợi nhuận hàng năm	:	75 tỷ/năm

---

---

<b>Tên dự án</b>	:	<b>Dự án khai thác mỏ sắt Suối Dầm, Yên Bái</b>
Số quyết định Giấy phép	:	1134/GP – UBND của UBND Tỉnh Yên Bái
Ngày cấp	:	08/07/2007
Thời hạn	:	21 năm
Diện tích khai thác	:	Tổng diện tích khu vực khai thác 18,3 ha.
Địa điểm	:	Suối Dầm, Xã An Lương, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
Trữ lượng khai thác	:	2.750.000 tấn
Tình trạng sở hữu	:	KTB
Tiến độ đầu tư	:	Đang làm thủ tục giải phóng mặt bằng để tiến hành khai thác.
Thời gian khai thác	:	QI/2011
Tổng vốn đầu tư	:	65.000.000.000 đồng (trong đó, tỷ lệ tài trợ từ vốn tự có và vay ngân hàng là: 30:70)
Doanh thu hàng năm	:	Khoảng 200 tỷ đồng/năm
Lợi nhuận hàng năm	:	45 tỷ/năm

---

### ■ Dự án đầu tư khai thác Đồng/Vàng tại Sơn La

---

<b>Tên dự án</b>	:	<b>Dự án khai thác, luyện kim Đồng/Vàng tại Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, Sơn La</b>
Số quyết định Giấy phép	:	24121000018
Ngày cấp	:	10/05/2007
Thời hạn	:	28 năm

---



Diện tích khai thác	:	Diện tích dự kiến sử dụng đất cho toàn bộ dự án là 305 ha, khu vực khai thác 270 ha.
Địa điểm	:	Địa bàn huyện Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, Sơn La
Trữ lượng khai thác	:	Đồng: 432.680 tấn; Vàng: 3,39 tấn theo Quyết định phê duyệt trữ lượng 1052/QĐ-KHKT của Bộ Công nghiệp nặng ngày 16/02/1994.
Tình trạng sở hữu	:	KTĐ
Tiến độ đầu tư	:	Đang làm thủ tục giải phóng mặt bằng để xây dựng Nhà máy luyện kim
Thời gian khai thác	:	QII/2011
Tổng vốn đầu tư	:	365.000.000.000 đồng (trong đó, tỷ lệ tài trợ từ vốn tự có và vay ngân hàng là: 30:70)
Doanh thu hàng năm	:	Khoảng 1.200 tỷ đồng/năm
Lợi nhuận hàng năm	:	300 tỷ/năm

### ■ Tổng hợp lợi nhuận các dự án khai mở giai đoạn 2010-2015

Với tiến độ các dự án khai mở đang được công ty triển khai nhanh chóng các công tác chuẩn bị cho khai thác như giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà máy và đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền để đưa vào chính thức khai thác từ cuối 2010 và đầu năm 2011. Lợi nhuận sau thuế dự kiến mang về từ hoạt động khai thác được tổng hợp theo bảng sau:

**Bảng 21. Tổng hợp kế hoạch lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2010-2015**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Tên dự án	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Dự án Sắt Cận Còng, Yên Bái	0	35	45	65	85	105
Dự án Sắt Núi 409, Yên Bái	0	30	44	50	65	85
Dự án Sắt Suối Dầm, Yên Bái	0	15	18	25	35	45
Dự án Đồng/Vàng Sơn La	0	0	13	55	85	105
Dự án Antimon Hòa Bình	5	8	15	20	25	30
Dự án Vàng Lai Châu, Điện Biên	13	17	20	25	32	35
<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>105</b>	<b>155</b>	<b>240</b>	<b>327</b>	<b>405</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Tây Bắc*



### 4.23.3 Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

#### ■ Tuân thủ pháp luật:

- Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

#### ■ Về công tác quản lý, công tác tổ chức:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

#### ■ Về tài chính:

- Công ty đã đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và dự kiến niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào nửa cuối năm 2010.
- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

#### ■ Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư và nghiên cứu, chế biến sâu các sản phẩm từ nguyên liệu khoáng sản đã qua chế biến cơ bản nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm làm ra.
- Đưa vào khai thác các mỏ mới được cấp phép, tận dụng tối đa năng lực sản xuất của máy móc thiết bị và hiệu quả sử dụng lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, thỏa mãn yêu cầu khách hàng, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm sóc mảng thị phần, khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, tập trung khai thác các nguồn hàng, duy trì thường xuyên mối thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy



trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, hàng hóa, con người và môi trường. Hợp lý hóa các khâu sản xuất, thiết lập các định mức, biên độ sản xuất hợp lý tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.

- Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...

#### ■ **Về nguồn nhân lực:**

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Tăng cường trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo và tuyển dụng các chuyên gia nước ngoài cho khu vực kỹ thuật cao.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

#### **4.24. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2010 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc dự kiến trong giai đoạn 2010 - 2012 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (KEVS) lưu ý rằng những nhận xét của KEVS chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. KEVS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý KEVS bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

#### **4.25. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

#### **4.26. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:**

Không có



## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 5.1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

### 5.2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

### 5.3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phần chào bán: 26.800.000 cổ phần (Hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn cổ phần).

### 5.4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

- Công ty không có cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đối với Cổ đông sáng lập theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Cổ đông sở hữu cổ phiếu phát hành riêng lẻ năm 2010 bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày phát hành theo quy định tại Nghị định 01/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chào bán cổ phần riêng lẻ.

<i>Stt</i>	<i>Cổ đông</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số CMND/ĐKKD</i>	<i>Số lượng CP</i>
1	Nguyễn Văn Dũng	Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang	120949106 cấp ngày 23/6/2006 tại Bắc Giang	1.400.000
2	Trần Văn Tạng	302 Nơ 4A, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà nội	013326953 cấp ngày 3/07/2010 tại Hà Nội	100.000
3	Hoàng Kim Thành	Lô 32 BT3. P. Hoàng Liệt, Hà Nội	013016589 cấp ngày 19/10/2007 tại Hà Nội	100.000
4	Đào Bá Tuấn	Số 23A Ngõ 400 Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	095140889 cấp ngày 10/1/2007 tại Bắc Cạn	100.000
5	Hứa Trung Sỹ	Tổ 16, P. Sông Cầu, TX. Bắc Kạn	095161928 cấp ngày 20/3/2010 tại Bắc Cạn	100.000
6	Nguyễn Văn Chiến	Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên	090952312 cấp ngày 19/08/2001 tại Thái Nguyên	1.000.000





7	Vũ Văn Hải	Cù Văn, Đại Từ, Thái Nguyên	090531536 cấp ngày 14/12/2004 tại Thái Nguyên	1.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.800.000</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Tây Bắc*

- Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày đầu tiên niêm yết và 50% số lượng này trong 06 tháng tiếp theo. Riêng các thành viên Hội đồng Quản trị là các cổ đông sở hữu cổ phần phát hành thêm năm 2010 nên thời gian hạn chế 01 năm kể từ ngày phát hành. **Tuy nhiên, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số: 09/2010/NQ-HĐQT ngày 15/08/2010 thì số cổ phần do các thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị hạn chế 01 năm kể từ ngày cổ phiếu của công ty được niêm yết chính thức.**
- Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông lớn (nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần của Công ty trở lên) cam kết không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình SGDK Hồ Chí Minh thẩm định hồ sơ niêm yết.
- Theo quy định đối với cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông là tổ chức có đại diện nắm giữ là thành viên HĐQT của tổ chức đăng ký niêm yết (theo Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007, trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở GDCK Hồ Chí Minh, sẽ có tổng cộng 1.835.000 cổ phần không được phép chuyển nhượng và trong vòng 06 tháng tiếp theo sẽ còn lại 1.817.500 cổ phần không được phép chuyển nhượng (*bao gồm 1.800.000 cổ phần phát hành riêng lẻ năm 2010 thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng Quản trị*). Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng chi tiết theo đối tượng được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 22. Tổng hợp số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, BKS, BGD, và KTT**

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	
				6 tháng kể từ ngày niêm yết	6 tháng tiếp theo
<b>A Hội đồng Quản trị</b>					
1	Trần Văn Tạng	Chủ tịch	100.000	100.000	100.000
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	1.400.000	1.400.000	1.400.000
3	Hoàng Kim Thành	Thành viên	100.000	100.000	100.000
4	Đào Bá Tuấn	Thành viên	100.000	100.000	100.000
5	Hứa Trung Sỹ	Thành viên	100.000	100.000	100.000
<b>B Ban Kiểm soát</b>					



1	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng ban	20.000	20.000	10.000
2	Âu Văn Long	Thành viên	5.000	5.000	2.500
3	Đỗ Thị Thanh Dung	Thành viên	5.000	5.000	2.500
<b>C Ban Tổng giám đốc</b>					
1	Trần Văn Tặng	Tổng giám đốc	100.000	100.000	100.000
<b>D Kế toán trưởng</b>					
1	Ngô Văn Hiến	Kế toán trưởng	5.000	5.000	2.500

*Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Tây Bắc*

### 5.5. Phương pháp tính giá:

Dựa vào tiềm năng phát triển và giá trị nội tại của công ty, đơn vị tư vấn đánh giá kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty đã được xây dựng trên cơ sở thận trọng và có căn cứ.

Trên cơ sở đó, KEVS đề xuất phương án so sánh giá cổ phiếu/thu nhập trên mỗi cổ phần (P/E) và phương pháp so sánh giá cổ phiếu/ giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/BV) để xác định giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc khi niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Do công ty hoạt động chủ yếu trong ngành khai thác khoáng sản nên chúng tôi sử dụng chỉ số của các doanh nghiệp cùng ngành, cùng điều kiện và quy mô kinh doanh với Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để so sánh. Các công ty và chỉ số được liệt kê theo hai phương pháp P/B và P/E như sau:

#### a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

**Bảng 23. Tổng hợp kết quả định giá theo phương pháp P/B**

<b>Tên Công ty</b>	<b>KLCP lưu hành bình quân (cổ phần)</b>	<b>Giá trị sổ sách (đồng/1 cổ phiếu)</b>	<b>Giá đóng cửa ngày 05/08/2010 (Đồng/cổ phiếu)</b>	<b>P/B (lần)</b>
Công ty CP Khoáng sản Bình Định (BMC)	8.261.820	15.630	41.500	2,65
Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (LBM)	8.350.000	14.720	15.400	1,04
Công ty CP Khoáng sản Hà Nam (KSH)	11.690.000	12.130	52.000	4,28
Tổng công ty CP khoáng sản Na Rì Hamico (KSS)	23.600.000	13.500	34.300	2,54
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản	6.000.000	15.880	91.700	5,77



Hà Giang (HGM)

**Bình quân****3,25****Bình quân theo quy mô vốn****3,025***(Nguồn: KEVS research & tổng hợp từ HOSE/HNX)*

Sau khi tính toán P/B bình quân trọng số theo quy mô vốn của 5 doanh nghiệp cùng ngành, kết quả tính toán cho P/B bình quân là 3,025 lần. Vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc tại thời điểm 30/06/2010 là 270.502.757.474 đồng và số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 26.800.000 cổ phiếu. Như vậy giá trị sổ sách (BV) tương ứng của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc tại thời điểm 31/06/2010 là 10.093 đồng. Tham chiếu với chỉ số P/BV trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành thì giá trị tương ứng của mỗi cổ phiếu là **30.535 đồng/cổ phiếu**.

**b. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E****Bảng 24. Tổng hợp kết quả định giá theo phương pháp P/E**

<b>Tên Công ty</b>	<b>KLCP lưu hành bình quân (cổ phần)</b>	<b>EPS 4 quý gần nhất (Đồng)</b>	<b>Giá đóng cửa ngày 05/08/2010 (Đồng/cổ phiếu)</b>	<b>P/E (lần)</b>
Công ty CP Khoáng sản Bình Định (BMC)	8.261.820	3.080	41.500	13,47
Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (LBM)	8.350.000	1.310	15.400	11,75
Công ty CP Khoáng sản Hà Nam (KSH)	11.690.000	2.160	52.000	16,45
Tổng công ty CP khoáng sản Na Rì Hamico (KSS)	23.600.000	5.230	34.300	6,56
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (HGM)	6.000.000	3.830	91.700	23,9
<b>Bình quân</b>				<b>14,42</b>
<b>Bình quân theo quy mô vốn</b>				<b>12,08</b>

*(Nguồn: KEVS research & tổng hợp từ HOSE/HNX)*

Kết quả tính toán P/E trung bình của ngành theo quy mô vốn là 12,08 lần. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc có vốn điều lệ 268 tỷ đồng và số lượng cổ phiếu đang lưu hành 26.800.000 cổ phiếu. Theo kế hoạch, năm 2010 lợi nhuận ròng của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc sẽ đạt 195 tỷ đồng tương ứng với EPS năm 2010 sẽ là 7.276 đồng/cổ phiếu. Lấy mức P/E là 12,08 lần của ngành làm chuẩn so sánh thì giá trị tương ứng mỗi cổ phiếu theo phương pháp P/E là **87.952 đồng/cổ phiếu**.

Tổng hợp kết quả định giá theo 2 phương pháp tính giá ở trên cho mức giá bình quân là 59.243 đồng/Cổ phiếu. Trên cơ sở thận trọng, chúng tôi đề xuất mức giá bình quân sau khi đã chiết khấu khoảng 20% làm mức giá chào sàn, cụ thể là: **50.000 đồng/Cổ phiếu**.



Chúng tôi xin lưu ý rằng, việc tính giá giao dịch dự kiến được dùng làm giá tham chiếu để tính biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở lý thuyết về tài chính, chứng khoán và cả mức độ chấp nhận của các nhà đầu tư hiện nay trên thị trường tự do. Các nhà đầu tư nên đánh giá và quyết định đưa ra một mức giá phù hợp với kỳ vọng cũng như mức độ rủi ro có thể chấp nhận được.

#### **5.6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt Nam hiện hành. Tỷ lệ sở hữu của các cổ đông nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 30/07/2010 không có cổ đông nước ngoài nào nắm giữ cổ phiếu của Công ty.



### 5.7. Các loại thuế có liên quan

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** từ ngày 01/01/2009 Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/12/2008 với thuế suất là 25%.
- **Thuế thu nhập cá nhân:** Công ty thực hiện khấu trừ và nộp theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 và Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 của Bộ Tài chính, hiện được miễn thuế thu nhập cá nhân theo Thông tư số 160/2009/TT-BTC ngày 12/08/2009 của Bộ Tài chính.
- ✓ Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: Thời gian được miễn từ 01/01/2009 đến hết ngày 30/06/2009. Từ ngày 01/07/2009 phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.
- ✓ Đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán): Thời gian được miễn thuế từ 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009. Từ 01/01/2010 phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.
- **Thuế GTGT:** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- **Thuế Tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường:** Công ty nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường hàng tháng theo quy định của Nhà nước.



## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**

### **6.1. Tổ chức tư vấn**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. HCM  
Điện thoại : (08) 8 386 636  
Fax : (08) 8 386 639  
Website : [www.kimeng.com.vn](http://www.kimeng.com.vn)

### **6.2. Tổ chức kiểm toán**

#### **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH**

Trụ sở: : 17T1 – KĐT Trung Hoà Nhân Chính, Hà Nội.  
Điện thoại: : (04) 2811 488  
Fax: : (04) 2811 499  
Email : [aca\\_audit@vnn.vn](mailto:aca_audit@vnn.vn)





## VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD
2. **Phụ lục II** : Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục III** : Quy chế Quản trị Công ty phù hợp với Quy chế quản trị mẫu
4. **Phụ lục IV** : Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.
5. **Phụ lục V** : Báo cáo kiểm toán hợp nhất (*nguyên văn báo cáo kiểm toán*)
  - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008
  - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009
  - Báo cáo tài chính đã kiểm toán 06 tháng năm 2010
  - Báo cáo kiểm toán vốn thời điểm 31/07/2010
6. **Các phụ lục khác có liên quan**



Hà nội, ngày 18 tháng 8 năm 2010

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN TẶNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



TRẦN VĂN TẶNG

NGÔ VĂN HIẾN

NGUYỄN VĂN HƯNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ MINH TÂM